

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3380** /UBND-NN

Trà Vinh, ngày **10** tháng 7 năm 2024

V/v nâng công suất khai thác 02 mỏ cát
biển trong năm 2024 để phục vụ công
trình đường dẫn vào cầu Đại Ngãi

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 402-CV/BCSD ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc nâng công suất khai thác 02 mỏ cát biển trong năm 2024 để phục vụ công trình đường dẫn vào cầu Đại Ngãi (**đính kèm**); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 2758-TB/VPTU ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Chánh Văn phòng Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. TU;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN *ph* 02

**KT. CHỦ TỊCH,
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng

Số: /STNMT-QLTNB

Trà Vinh, ngày tháng 7 năm 2024

V/v hướng dẫn lập thủ tục nâng công suất
khai thác 02 mỏ cát biển năm 2024

Kính gửi:

- Công ty CP ĐTVT Du lịch biển Ba Động Trà Vinh;
- Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt.

Căn cứ Công văn số 3380/UBND-NN ngày 10/7/2024 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc nâng công suất khai thác 02 mỏ cát biển trong năm 2024 để phục vụ công trình đường dẫn vào cầu Đại Ngãi;

Xét Văn bản số 13/CV-BBĐTV ngày 09/4/2024 Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh (Công ty Ba Động) về việc báo cáo trữ lượng đã khai thác và đề xuất nâng công suất khai thác năm 2024 của mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Giấy phép số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 để phục vụ dự án cầu Đại Ngãi;

Xét Văn bản số 48/QV ngày 12/4/2024 của Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt (Công ty Quốc Việt) về việc báo cáo trữ lượng đã khai thác và đề nghị xem xét cho phép khai thác nâng công suất khai thác năm 2024 của mỏ cát số 1 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 80/GP-UBND ngày 18/10/2022 để phục vụ Dự án cầu Đại Ngãi.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập thủ tục nâng công suất 02 mỏ cát biển trong năm 2024 như sau:

1. Về chủ trương nâng công suất khai thác mỏ cát năm 2024:

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đã có Công văn số 3380/UBND-NN ngày 10/7/2024 thống nhất nâng công suất 02 mỏ cát biển trong năm 2024 để phục vụ công trình đường dẫn cầu Đại Ngãi như đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 381/BC-UBND ngày 05/6/2024. Theo đó:

1.1. Công ty Ba Động: Giấy phép khai thác khoáng sản số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Công suất khai thác năm 2024 là: 204.875 m³/năm, được lập hồ sơ đề nghị tăng lên: 400.000 m³/năm (tăng 195.125 m³/năm).

- Các nội dung còn lại của Giấy phép không thay đổi.

1.2. Công ty Quốc Việt: Giấy phép khai thác khoáng sản số 80/GP-UBND ngày 18/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Công suất khai thác năm 2024 là : 350.650 m³/năm, được lập hồ sơ đề nghị tăng lên: 525.975 m³/năm (tăng: 175.325 m³/năm).

- Các nội dung còn lại của Giấy phép không thay đổi.

2. Về trình tự thủ tục:

2.1. Về thủ tục môi trường

Căn cứ số thứ tự 09 (dự án khai thác khoáng sản), số thứ tự 11 (dự án đầu tư mở rộng (mở rộng quy mô, nâng cao công suất đang hoạt động)) Phụ lục III Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì **việc nâng công suất khai thác mỏ cát thuộc đối tượng phải lập báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của UBND tỉnh Trà Vinh.**

a) Thành phần, số lượng hồ sơ

- 01 Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (*mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- 07 quyển Báo cáo đánh giá tác động môi trường (*mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- 01 Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

b) Các bước thực hiện thủ tục ĐTM

b.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở TN&MT (Điểm a Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Chủ dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ ĐTM xin đăng tham vấn trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở trong thời gian 15 ngày.

- Kết thúc thời gian tham vấn 15 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo kết quả tham vấn đến chủ dự án để hoàn chỉnh hồ sơ.

b.2. Thẩm định hồ sơ ĐTM (Khoản 6, Khoản 9 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường)

Chủ dự án gửi hồ sơ đề nghị thẩm định trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

c) Phí thẩm định hồ sơ báo cáo ĐTM

Thực hiện mức thu, nộp phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh (*hiện tại thực hiện theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023*).

2.2. Về thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Để đảm bảo hồ sơ nâng công suất đúng theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm b Khoản 1 Điều 55 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị Quý Công ty khẩn trương lập thủ tục, nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (*Mẫu 11- đính kèm*);
2. Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;
3. Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản;
4. Dự án đầu tư điều chỉnh theo công suất điều chỉnh;
5. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
6. Quyết định trúng đấu giá;
7. Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 53 của Luật Khoáng sản;
8. Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản;
9. Các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.
10. Báo cáo tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp tại **Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Trà Vinh - Địa chỉ: Số 25, Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, số điện thoại: 0294.3826667**.

Đề nghị Giám đốc Công ty CP ĐTPT Du lịch biển Ba Động Trà Vinh và Giám đốc Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt khẩn trương thực hiện theo hướng dẫn, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị Giám đốc 02 Công ty chủ động liên hệ ngay Sở Tài nguyên và Môi trường (thông qua Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển) để được hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- GD Sở (thay b/c);
- Lưu: VT, QLMT, QLTNB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Đình Trung

Số: 83 /TB-VP

Trà Vinh, ngày 14 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Quỳnh Thiện tại cuộc họp nghe Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo, đề xuất nâng công suất khai thác 02 mỏ cát biển năm 2024

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại phòng họp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Quỳnh Thiện tổ chức cuộc họp nghe Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo, đề xuất nâng công suất khai thác 02 mỏ cát biển năm 2024.

Tham dự cuộc họp có Lãnh đạo các Sở, ngành tỉnh: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Thanh tra; Đại diện Ban Quản lý dự án 85 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải; Lãnh đạo Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh và Lãnh đạo Công ty TNHH TM-XD-VT Quốc Việt.

Sau khi nghe Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo việc nâng công suất khai thác 02 mỏ cát biển năm 2024. Qua ý kiến phát biểu và thống nhất của các đại biểu dự họp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Quỳnh Thiện kết luận như sau:

1. Đề nghị Ban Quản lý dự án 85 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải sớm có văn bản khẳng định việc sử dụng cát biển và khối lượng vật liệu cần cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng (đường dẫn cầu Đại Ngãi) thuộc địa phận tỉnh Trà Vinh để tỉnh Trà Vinh có cơ sở triển khai thực hiện các nội dung có liên quan. Đồng thời, chỉ đạo nhà thầu thi công dự án (Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP) khẩn trương phối hợp, trao đổi, thống nhất, hoàn thiện hợp đồng cung cấp cát san lấp với Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh, Công ty TNHH TM-XD-VT Quốc Việt (trong đó xác định cụ thể về giá, phương pháp thanh toán và chuẩn bị hạ tầng tiếp nhận, đảm bảo đủ điều kiện để các đơn vị cung cấp cát thực hiện dự án kịp thời, đúng theo quy định).

2. Trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 273/BC-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2024, Báo cáo số 287/BC-STNMT ngày 03 tháng 5 năm 2024 và nhu cầu cát san lấp theo thực tế của Ban Quản lý dự án 85 trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, giao Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, kiểm tra, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý việc nâng công suất khai thác khoáng sản của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh, Công ty TNHH TM-XD-VT Quốc Việt đảm bảo phù hợp, đúng theo quy định.

Trên đây là ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nguyễn Quỳnh Thiện, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo đến các đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như TPTM;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; Phòng: CNXD, THNV;
- Lưu: VT, NN. 05

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Văn Quyền

THÔNG BÁO
kết luận của Thường trực Tỉnh ủy

Ngày 17/4/2024, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức họp báo tuần thường kỳ, qua nghe báo cáo và ý kiến thảo luận của các đại biểu sở, ngành và các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí **Ngô Chí Cường**, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy kết luận một số nội dung sau:

1. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của một số sở, ngành có liên quan đối với những công việc sau đây:

1.1. Về khai thác cát:

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, làm việc với 02 doanh nghiệp (Công ty cổ phần Đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh và Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt) phải có trách nhiệm ưu tiên cung cấp cát cho dự án đường dẫn cầu Đại Ngãi trên địa phận tỉnh Trà Vinh, sau đó mới được cung cấp cát cho những nơi khác nhưng phải trong địa bàn tỉnh Trà Vinh. Nếu có vướng mắc về công suất khai thác thì nâng lên theo quy định, nhưng tổng khối lượng khai thác không được vượt quá trữ lượng được đã được cấp phép khai thác. Trường hợp doanh nghiệp không chấp hành theo yêu cầu của tỉnh thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy nắm, chỉ đạo. Đồng thời, trong kỳ họp báo hàng tuần, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật số liệu cung cấp cát cho dự án cầu Đại Ngãi báo cáo Thường trực Tỉnh ủy nắm, đôn đốc.

- Chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp xử lý nghiêm, đúng quy định pháp luật đối với trường hợp khai thác cát trái phép bị lực lượng chức năng đã bắt quả tang.

1.2. Chỉ đạo các ngành chức năng có liên quan phối hợp với thị xã Duyên Hải hướng dẫn hoàn thành các thủ tục, xem xét nếu đủ điều kiện thì nhanh chóng cho thuê quyền sử dụng đất đối với Hợp tác xã Nông nghiệp - Thủy sản Trường Long Hòa để thực hiện đầu tư dự án nuôi nghêu tại bãi bồi ven biển tọa lạc tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải theo đúng quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện phát triển Hợp tác xã mới được thành lập.

1.3. Chỉ đạo Sở Nội vụ

- Nghiên cứu tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức các kỳ thi tuyển công chức, viên chức trong thời gian tới cần có thời gian ôn thi phù hợp (có thể kéo dài

thêm thời gian), nhất là môn ngoại ngữ. Việc tổ chức thi phải đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh (không nhất thiết phải hợp đồng trọn gói với đơn vị ngoài tỉnh).

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Giáo dục - Đào tạo khảo sát, trao đổi kỹ chỉ tiêu viên chức ngành giáo dục hiện nay chưa sử dụng hết, nêu rõ nguyên nhân vì sao tuyển chưa đủ giáo viên, đề xuất giải pháp trong thời gian tới như thế nào báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo.

1.4. Đối với quy hoạch thị trấn Cầu Ngang, thực hiện quy hoạch theo địa giới hành chính hiện trạng.

1.5. Chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện hoàn thành hồ sơ, thủ tục đề nghị Trung ương công nhận tỉnh nông thôn mới, trong quý III/2024 phải hoàn thành đầy đủ hồ sơ gửi về Trung ương.

1.6. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú chuẩn bị chu đáo các nội dung liên quan đến việc tổ chức công bố Quyết định số 288/QĐ-TTg, ngày 08/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023; thống nhất thời gian tổ chức buổi lễ vào buổi chiều ngày 26/4/2024.

Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú phối hợp với các cơ quan liên quan rà lại, thống kê chính xác số lượng nhà được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa (*nhà do Bộ Công an vận động hỗ trợ; nhà theo Chương trình mục tiêu; nhà do tỉnh hỗ trợ từ nguồn Quỹ an sinh xã hội, ...*) trên địa bàn huyện Trà Cú, tổng hợp báo cáo đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh báo cáo trong buổi lễ công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Trà Cú đạt chuẩn nông thôn mới; thống nhất đưa nội dung này vào chương trình lễ công bố quyết định.

1.7. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan chức năng theo thẩm quyền nhanh chóng tổ chức kiểm tra, thanh tra việc bán nhà ở xã hội của Công ty cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân, nếu việc bán nhà ở không đúng đối tượng, không đúng quy định thì phải thu hồi và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện nghiêm nội dung này, không để sai phạm xảy ra vì Thường trực Tỉnh ủy đã nhiều lần nhắc nhở.

1.8. Đối với dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thέ, giải phóng mặt bằng khu Trung tâm chính trị - hành chính thành phố Trà Vinh, khu tái định cư, ... yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra lại các thủ tục còn thiếu nội dung gì phải bổ sung đồng bộ, đầy đủ theo quy định, không để thủ tục phát sinh, dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện.

Riêng dự án Hạ tầng hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thέ giao Sở Kế hoạch - Đầu tư rà soát kỹ bổ sung thủ tục còn thiếu, kịp thời đề xuất Trung ương hỗ trợ nguồn vốn 3 tỷ đồng cho nội dung thực hiện nghiên cứu dự án Hồ nước ngọt; bổ

sung kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025; liên quan đến khối lượng đất hữu cơ và đất đào đường còn dư thực hiện đúng quy định, tính toán khối lượng để lại cho công trình, khối lượng còn lại giao cho Ủy ban nhân dân huyện Càng Long và Châu Thành sử dụng vào việc san lấp các công trình công cộng trên địa bàn địa phương; có khảo sát chặt chẽ, tránh thất thoát, tuyệt đối không để việc sử dụng sai mục đích.

1.9. Đối với dự án nhà ở xã hội tại khu xây lắp xáng (cũ), giao Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các hồ sơ, thủ tục liên quan để mời gọi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án sớm có đủ điều kiện đề xuất nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội của Trung ương, không để chậm Trung ương chuyển vốn.

1.10. Đối với dự án xây dựng Quảng trường và Bia chiến thắng, giao Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng phải hoàn thành trước ngày 30/4/2025 để chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

1.11. Lưu ý các công việc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cho các sở, ngành phải có nhật ký vào sổ theo dõi để làm cơ sở cho việc đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý cuối năm.

2. Về biên chế: Việc đề nghị Trung ương bổ sung biên chế cho tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022 - 2026, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Sở Nội vụ nhanh chóng rà soát kỹ còn điểm nào chưa phù hợp, báo cáo cụ thể với đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, để Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương.

3. Đảng ủy Công an tỉnh chỉ đạo Công an tỉnh, tăng cường công tác nắm tình hình an ninh chính trị, tình hình dân tộc, tôn giáo trên địa bàn, có giải pháp đấu tranh ngăn chặn không để xảy ra tình huống phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn, nhất là đảm bảo tình hình trước, trong và sau dịp lễ kỷ niệm 49 năm Ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2024) và 138 năm ngày Quốc tế Lao động (01/5/1886 - 01/5/2024).

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:

- Phối hợp với Công an tỉnh nhanh chóng lựa chọn các đối tượng phù hợp để xem xét xây dựng nhà ở thay thế các đối tượng thuộc các xã Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải, thị trấn Long Thành (huyện Duyên Hải) và xã Long Hòa, Hòa Minh (huyện Châu Thành). Thường trực Tỉnh ủy thống nhất chủ trương bổ sung kinh phí từ nguồn Quỹ an sinh xã hội của tỉnh (phần tỉnh đối ứng khoảng 15.000.000 đồng/căn) để xây dựng thêm 10 căn nhà nâng lên tổng số 1.300 căn nhà do Bộ Công an vận động hỗ trợ và nguồn đối ứng của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, khảo sát kỹ lại 1.961 hộ gia đình có nhà ở không đảm bảo “3 cứng” theo số liệu báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nếu đảm bảo đúng đối tượng theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy thì sớm triển khai xây dựng trong tháng 6/2024.

5. Giao Văn phòng Tỉnh ủy hàng tuần phải cập nhật tiến độ kết quả triển khai thực hiện các nội dung ý kiến kết luận chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy. Phối hợp với sở, ngành có liên quan xây dựng lịch theo dõi tiến độ triển khai thực hiện đối với một số công trình, dự án đã có ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (*chọn những công trình bức xúc cần phải xác định thời gian hoàn thành từng công đoạn mà các sở, ngành đã có kế hoạch và cam kết với Thường trực Tỉnh ủy để theo dõi tham mưu Thường trực Tỉnh ủy đôn đốc thực hiện theo tiến độ*) trình Thường trực Tỉnh ủy trước ngày 10/5/2024 để theo dõi, chỉ đạo.

Văn phòng Tỉnh ủy thông báo và đề nghị các ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) trong ngày thứ 4 hàng tuần để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy nắm, chỉ đạo trong họp báo tuần tiếp theo.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- BTT Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành: Nông nghiệp và PTNT; Công an tỉnh; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Lao động - TB và XH; Xây dựng; Tài nguyên và MT; Nội vụ,
- Huyện ủy, UBND huyện Trà Cú,
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh,
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Võ Minh Nhựt

Số: 1999/UBND-THNV
V/v thực hiện kết luận của Thường
trực Tỉnh ủy tại cuộc họp báo tuần

Trà Vinh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Công văn số 217-CV/BCSD ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 2560-TB/VPTU ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Chánh Văn phòng Tỉnh ủy tại cuộc họp báo tuần ngày 17 tháng 4 năm 2024 (đính kèm); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao: Thường xuyên theo dõi, cập nhật tất cả các nội dung được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện. Giao Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, cập nhật (phải có nhật ký vào sổ theo dõi) tiến độ thực hiện các nhiệm vụ giao sở, ngành và địa phương, để làm cơ sở tham mưu cho UBND tỉnh trong việc đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý cuối năm.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.1 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU; đồng thời báo cáo tiến độ thực hiện vào **thứ ba hàng tuần, trước 14 giờ** để Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Duyên Hải và các đơn vị có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.2 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

4. Giám đốc: Sở Nội vụ, Sở Xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thực hiện nội dung tại khoản 1.3 và 1.4 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

5. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới) chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thực hiện nội dung tại khoản 1.5 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

6. Chủ tịch UBND huyện Trà Cú chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sở, ngành và các đơn vị có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.6 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

7. Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với sở, ngành và các đơn vị có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.7 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

8. Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện nội dung tại khoản 1.8 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

9. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.9 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

10. Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan: Thực hiện nội dung tại khoản 1.10 mục 1 của Thông báo số 2560-TB/VPTU.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung Công văn này. Kết quả hàng tuần báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh nắm, để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy././.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng NC (theo dõi);
- Lưu: VT, THNV. *02*



Lê Văn Hân

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải

Thực hiện Công điện số 696/CD-VPCP ngày 05 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Hội nghị trực tuyến Phiên họp thứ 11 của Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải. Qua rà soát, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh như sau:

I. VỀ CÔNG TÁC GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Theo Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, đoạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đang tổ chức giải phóng mặt bằng và triển khai thi công, kết quả thực hiện đến nay như sau:

1. Công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ

Đến nay, tỉnh Trà Vinh đã chi trả cho 344/348 hộ, gia đình, cá nhân, tổ chức với số tiền 186.583.252.657 đồng, đạt 98,85%, còn lại 04 hộ với số tiền là 4.969.194.871 đồng, cụ thể:

- Xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần: Đã chi trả 95/97 hộ (đạt 97,9%) với số tiền 68.271.160.154 đồng, còn lại 02 hộ chưa nhận với số tiền 3.228.780.673 đồng (*hộ ông Trương Văn Đò không giao mặt bằng; hộ ông Trần Hoàng Trung, Tòa án nhân dân huyện Tiểu cần đã xét xử sơ thẩm nhưng có kháng cáo phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đang thụ lý giải quyết, đã giao mặt bằng cho đơn vị thi công*).

- Xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú: Đã chi trả 249/251 hộ gia đình, cá nhân, tổ chức (đạt 99,2%) với số tiền 118.312.092.503 đồng; còn lại 02 hộ chưa nhận với số tiền 1.740.414.198 đồng (*hộ ông Võ Văn Viện, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đang thụ lý giải quyết tranh chấp; hộ ông Lê Văn Đạt, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã xét xử sơ thẩm, đến nay chưa có kháng cáo phúc thẩm, khi hết thời gian kháng cáo theo quy định, tỉnh sẽ đề nghị cơ quan thi hành án tổ chức thi hành án để tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định; cả 02 hộ này đã giao mặt bằng cho đơn vị thi công*).

2. Công tác bàn giao mặt bằng

Tỉnh Trà Vinh đã bàn giao mặt bằng với tổng diện tích là 284.156,7m² cho Ban quản lý Dự án 85 triển khai thi công, đạt 99,06% (trong đó: Huyện Trà

Cú đã bàn giao 100% mặt bằng là 200.205,4m², huyện Tiểu Cần là 83.951,3m², còn lại 2.690,6m² chưa bàn giao (hộ Trương Văn Đò).

3. Công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật:

Hạng mục di dời hệ thống điện và nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng: Đến nay đã thực hiện đạt khoảng 80% khối lượng theo hợp đồng.

4. Kế hoạch tiếp theo

- Tỉnh giao Thanh tra tỉnh kiểm tra, rà soát hồ sơ thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Trương Văn Đò theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh có kế hoạch xét xử tranh chấp của 02 hộ (hộ ông Võ Văn Viện và hộ ông Trần Hoàng Trung).

- Hoàn thành việc di dời hệ thống điện và nước nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng.

II. NGUỒN VẬT LIỆU SAN LẤP

1. Tổng trữ lượng, nhu cầu sử dụng vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh và khả năng điều tiết vật liệu phục vụ dự án giao thông trọng điểm

Theo Phương án thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1142/QĐ-TTg ngày 02/10/2023, tổng trữ lượng (cát sông, cát biển) là 18.340.184 m³, trong đó: Cát biển là 15.219.510 m³, đã cấp phép 03 mỏ với trữ lượng 3.230.710 m³; trữ lượng còn lại là 11.988.800 m³; cát sông là 3.120.674 m³ (đang thăm dò 02 mỏ (trúng đấu giá) có trữ lượng dự báo khoảng 990.774 m³, trữ lượng còn lại chưa cấp phép là 2.129.900 m³).

Tuy nhiên, do Trà Vinh nằm ở vị trí cuối nguồn, bị ảnh hưởng của các đập thủy điện thượng nguồn Mê Công và hoạt động khai thác của các tỉnh đầu nguồn nên nguồn cát san lấp ngày càng cạn kiệt, chất lượng không đáp ứng tiêu chuẩn cát đắp nền đường cao tốc, để sử dụng được phải thực hiện rửa và sàng lọc (theo kết quả phân tích mẫu của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (nhà thầu thi công dự án cầu Đại Ngãi)). Bên cạnh đó, người dân không đồng tình, ủng hộ việc cấp phép khai thác cát, thời gian qua nhiều hộ dân có đơn tập thể yêu cầu không cho khai thác, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Mặt khác, hiện nay tỉnh đang cần khối lượng cát san lấp lớn để khắc phục, ứng phó với tình trạng sạt lở và thực hiện các công trình trọng điểm để phát triển hạ tầng, kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống của người dân nên trữ lượng còn lại không đáp ứng đủ nhu cầu san lấp của tỉnh, hàng năm còn thiếu khoảng **6.700.000m³/năm**.

2. Kết nối cung cấp nguồn vật liệu san lấp cho các dự án:

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Trà Vinh nhận thức rõ tầm quan trọng và trách nhiệm của địa phương trong việc cung cấp cát san lấp cho các dự án, theo đó tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đến nay đạt được một số kết quả sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành phối hợp, hỗ trợ BQL DA 85 và các nhà thầu thi công Dự án đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ

60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng tổ chức lấy mẫu, phân tích chất lượng cát sông trên địa bàn tỉnh, qua kết quả phân tích mẫu của Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP (nhà thầu thi công dự án cầu Đại Ngãi), chất lượng nguồn cát sông chỉ chiếm 30-40% cát, còn lại là bùn và vật chất hữu cơ nên không đáp ứng tiêu chuẩn vật liệu theo quy định, do đó không đáp ứng tiêu chuẩn san lấp cho Dự án.

Để kịp thời cung ứng vật liệu san lấp cho Dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức kết nối các chủ mỏ cát biển đang khai thác trên địa bàn tỉnh với các nhà thầu thi công. Kết quả 02 chủ mỏ cát biển được cấp phép khai thác thống nhất đồng thuận cung cấp đủ 450.000m³ cho Dự án (Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển du lịch biển Ba Động Trà Vinh 200.000m³; Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt 250.000m³). Hiện nay, tỉnh đang thực hiện thủ tục nâng công suất 02 mỏ để đảm bảo đủ khối lượng cát san lấp cung cấp cho Dự án (mỏ Quốc Việt nâng 50% công suất (từ 350.650m³/năm lên 525.975m³/năm 2024); mỏ Ba Động nâng 95,24 % công suất (từ 204.875m³/năm lên 400.000m³/năm 2024)).

Về tiến độ cung cấp cát, đến ngày 06/5/2023 tỉnh đã cung cấp 33.356m³, đạt 7,41% tổng nhu cầu. Nguyên nhân chậm chủ yếu do Tổng Công ty Xây dựng số 1 - CTCP chưa chuẩn bị được hạ tầng tiếp nhận cát (bãi chứa cát nhỏ, chỉ đáp ứng 800m³/ngày) và nhận không thường xuyên, chậm thanh toán; ngoài ra, chưa thống nhất với giá kết nối đối với Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Việt.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

Trong quá trình thực hiện cung cấp cát san lấp cho các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, do còn một số nội dung chưa rõ nên tỉnh Trà Vinh gặp khó khăn, vướng mắc cần Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải xem xét, hướng dẫn các vấn đề như sau:

1. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Sớm hướng dẫn nội dung về thực hiện thủ tục giao khu vực biển để khai thác khoáng sản cát biển phục vụ các dự án theo quy định tại Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội (theo nội dung Công văn số 1465/BTNMT-KSVN ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa hướng dẫn). Trường hợp thực hiện theo quy định hiện hành thì không rút ngắn được thời gian thực hiện.

- Hướng dẫn việc tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để cung ứng vật liệu đắp nền cho các dự án đường cao tốc, hiện nay địa phương còn lúng túng trong thực hiện, áp dụng nghĩa vụ tài chính theo điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 106/2023/QH15, vì trong khi các dự án được phê duyệt (*có vật liệu cát đắp nền*) thực hiện cơ chế đấu thầu các nhà thầu đã trúng thầu nhưng nay cung ứng vật liệu cát san lấp theo cơ chế đặc thù thì chỉ thu tiền, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*giá chỉ định*) thì có khoảng chênh lệch giá trị rất lớn có làm thất thoát tài sản Nhà nước không? Trường hợp này, hiểu và áp dụng như thế nào cho đúng quy định của pháp luật?

- Nghị quyết 106/2023/QH15 chưa đề cập đến việc cho phép nâng công suất khai thác, đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp tục áp dụng nâng công suất khai thác để đảm bảo khối lượng cát san lấp cho các công trình trọng điểm theo Nghị Quyết 106/2023/QH15.

- Xem xét, hướng dẫn các biện pháp chế tài xử lý đối với trường hợp các Nhà thầu thi công vi phạm cam kết bảo vệ môi trường do các nhà thầu tự lập, gây ra sạt lở thì việc xử lý được thực hiện theo quy định nào? vì hiện nay không có quy định xử lý hành vi, khung và mức xử lý vi phạm đối với các hành vi này.

2. Đối với Bộ Giao thông vận tải:

- Có văn bản khẳng định về tính pháp lý của việc sử dụng cát biển cung ứng cho đường cao tốc và dự án giao thông theo Nghị quyết 106/2023/QH15 (theo nội dung Công văn số 2499/BGTVT-KHCN&MT ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải chỉ cung cấp thông tin và khuyến cáo việc sử dụng, địa phương không an tâm về cơ sở cho phép sử dụng) nên địa phương chưa an tâm về cơ sở cho phép thực hiện.

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh Trà Vinh đã chủ động kết nối thương mại với các mỏ đang khai thác để kịp thời cung cấp cho các dự án cao tốc, dự án giao thông trọng điểm. Tuy nhiên, các Ban Quản lý và các nhà thầu chưa tích cực, chủ động hợp tác theo phương án kết nối nguồn cung thương mại, kiến nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các Ban Quản lý và các nhà thầu tích cực thực hiện theo phương án này.

- Chỉ đạo các Ban Quản lý Dự án thông tin rõ các nội dung: (1) Tổng khối lượng cát san lấp cho công trình/dự án đang thi công; (2) Tổng khối lượng cát san lấp đã được cung cấp, cụ thể từng địa phương, từng công trình; (3) Nhu cầu và còn thiếu bao nhiêu, đề nghị từng địa phương hỗ trợ khối lượng bao nhiêu, (4) Dự án đề nghị có thuộc danh mục dự án được áp dụng theo Nghị quyết không? (5) Và giá vật liệu đắp nền/m³ phục vụ cho dự án tại chân công trình, tại vị trí mỏ khai thác được phê duyệt là bao nhiêu?. Trên cơ sở đó, địa phương có đủ thông tin thực hiện khi kết nối nguồn cung với các mỏ có Giấy phép đang hoạt động.

- Chủ trì xây dựng quy chế phối hợp trường hợp có nhiều tỉnh cùng tham gia cung ứng vật liệu san lấp cho dự án, đảm bảo phối hợp kiểm tra, giám sát hiệu quả nguồn, khối lượng về dự án như thế nào cho đảm bảo đủ khối lượng cần thiết, không để thất thoát và sử dụng đúng mục đích.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, tiếp tục hướng dẫn để địa phương có cơ sở thực hiện, quản lý, giám sát về sau./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: TN&MT, GTVT;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở; GTVT, TN&MT, XD;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Các Phòng: CNXD, TH-NV;
- Lưu: VT, Phòng NN. *phong* *ca*



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2100665114

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 02 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIÊN BA ĐÔNG TRÀ VINH**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khóm 1, Phường 1, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: *0345123456*

Fax:

Email: *bienbadongtravinh.jsc@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 1.000.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **BÙI VĨNH PHƯỚC**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: *14/03/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *084094000053*

Ngày cấp: *17/02/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khóm 1, Phường 1, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khóm 1, Phường 1, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

* Họ và tên: PHẠM MINH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 23/05/1973 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 080073000319

Ngày cấp: 06/09/2018 Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: 81 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 81 Quách Đình Bảo, Phường Phú Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Lê Thanh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **38** /GP-UBND

Trà Vinh, ngày **27** tháng 6 năm 2022

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản ngày 06/5/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 21/6/2022 về việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát ven biển) tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh địa chỉ khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Diện tích khu vực khai thác: 45 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: Đến mức -10 (m);

Trữ lượng khai thác còn lại: 1.128.760 m³.

Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

Công suất khai thác: 204.875 m³/năm.

Thời hạn khai thác: Đến ngày 26/5/2026.

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

3. Xác định ranh giới khu vực khai thác, cắm mốc các điểm khép góc khu vực khai thác; tiến hành hoạt động khai thác cát san lấp theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh" đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt

động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật;

9. Đăng ký ngày bắt đầu khai thác; thời gian hoạt động khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

10. Đăng ký phương tiện khai thác (số lượng sà lan, xáng cạp và số hiệu của các phương tiện) theo quy định; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển khoáng sản (cát san lấp);

11. Ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh không trực tiếp vận chuyển cát sau khai thác;

12. Lắp đặt bảng thông báo tại bờ thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác, dự án khai thác cát san lấp ven biển với các nội dung: tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên, phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác;

13. Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật;

14. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS VN;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Cty CP ĐT-PT DL biển Ba Động TV;
- Các Sở: TN&MT, GTVT, CT, XD;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 05

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Phụ lục số 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC
(Kèm theo Giấy phép khai thác số: **38** /GP-UBND
ngày **27** tháng **6** năm **2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$ múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	10 60 750	6 19 700
2	10 62 056	6 20 436
3	10 62 203	6 20 175
4	10 60 897	6 19 438
Diện tích: 45 ha		

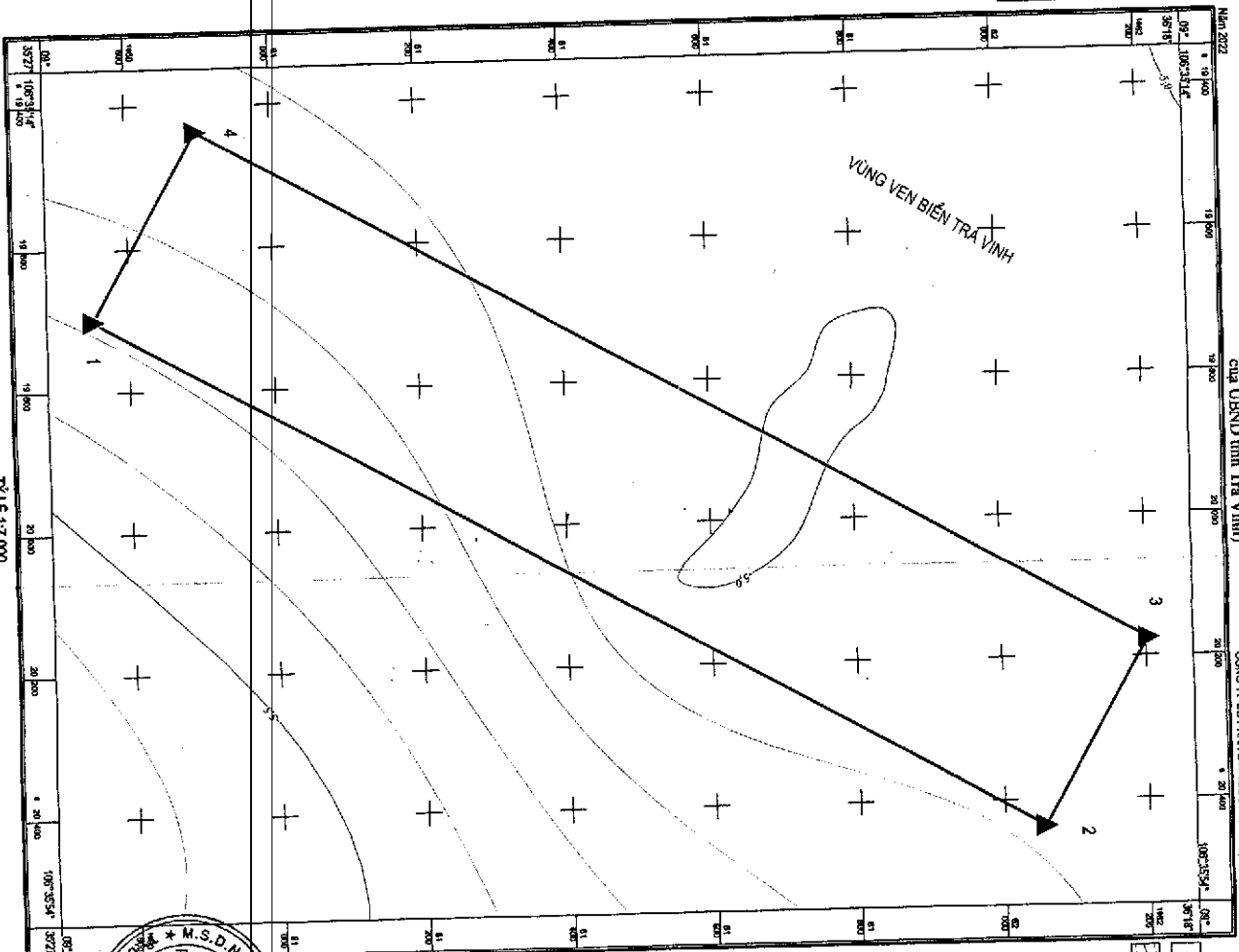


BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Điểm Gốc	Hệ tọa độ VN2000, X (m)	Hệ tọa độ VN2000, Y (m)
1	1082730	818700
2	1082250	820400
3	1082200	820175
4	1082800	819450

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC KHOẢNG SÀN
MỎ CÁT SÀN LẬP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH
 (Kèm theo giấy phép khai thác số: 28/GP-LBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Trà Vinh)

Phụ lục 2



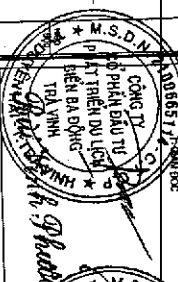
CÔNG TY CỔ PHẦN BTRTL BIỂN BÀ ĐÔNG TRÀ VINH

CHỖ LẬP



Được trích lập từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000
 Hệ tọa độ VN2000, merid 37 kinh tuyến bắc 105 30'
 SR-Nghị: C-48-S9-C-4

TỶ LỆ 1:7.000



BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC KHOẢNG SÀN
 MỎ CÁT SÀN LẬP VEN BIỂN THUỘC XÃ
 TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Tỷ lệ 1:7.000

CHỖ ĐÁNH TỰ
 CÔNG TY CỔ PHẦN BTRTL
 BIỂN BÀ ĐÔNG TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
 CÔNG TY CỔ PHẦN AN XƯƠNG HẢI

Người lập bản đồ:

Người kiểm tra:

Người lập bản đồ:

Người kiểm tra:

Số: 859/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 13 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” họp ngày 07/4/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Văn bản số 12/DT ngày 04/5/2021 của Công ty TNHH Một thành viên Dững Tiên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 218/TTr-STNMT ngày 10/5/2021 về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. 04

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ KHAI THÁC MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ
TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI,
TỈNH TRÀ VINH”

* (Kèm theo Quyết định số 859 /QĐ-UBND ngày 13/5/2021
 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Thông tin về dự án

- Tên Dự án: Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

- Chủ dự án: Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền (địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

- Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện khai thác cát san lấp trên phạm vi diện tích 45 ha, tọa độ khu vực khai thác theo Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh. Dự án không xây dựng hạng mục, công trình.

- Công suất: Tổng khối lượng khai thác cát san lấp (cấp 122) 1.219.500 m³ trong thời gian 05 năm, công suất khai thác năm đầu 400.000 m³ và các năm sau 204.875 m³/năm; thời gian khai thác trong ngày tối đa là 10 giờ (từ 07 giờ đến 17 giờ), 26 ngày/tháng, 06 tháng/năm (tháng 6 đến tháng 11), không khai thác vào ngày mưa bão lớn, lễ, Tết và không khai thác vào ban đêm. Chủ dự án đảm bảo khai thác đúng theo công suất, thời gian đăng ký và chấp thuận của cơ quan thẩm quyền. Quá trình khai thác đảm bảo trang bị các thiết bị giám sát, nhật ký ghi chép,... theo đúng quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm về công suất, thời gian khai thác. Dự án dùng hoạt động và giao trả lại khu vực khai thác khi dự án Nhà máy điện gió tại vị trí V3-5 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Công văn số 809/UBND-NN ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh)

- Phương án khai thác: Sử dụng tàu hút khai thác và vận chuyển trực tiếp đến nơi tiêu thụ (không thực hiện sơ chế, chế biến và không bố trí bãi tập kết sau khai thác).

(Chi tiết được trình bày theo báo cáo ĐTM đính kèm).

II. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án và công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

1. Các tác động môi trường chính của Dự án: Chủ yếu bao gồm: nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động khai thác); chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại (CTNH); bụi, khí thải; tiếng ồn và các sự cố phát sinh.

2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.1. Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân trên các phương tiện khai thác với tổng lưu lượng khoảng 1,56 m³/ngày; tính chất nước thải có chất rắn lơ lửng cao, các chất hữu cơ hòa tan (thông qua các chỉ tiêu BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (nitơ, photpho) và vi sinh vật.

2.2. Nước thải từ hoạt động khai thác: Chủ yếu là nước lẫn bùn cát khuếch tán theo dòng chảy khi khai thác với thành phần chất rắn lơ lửng cao; mang tính chất tạm thời, chỉ xuất hiện trong thời gian khai thác (tối đa 10 giờ/ngày); đối tượng chịu tác động chủ yếu là hệ sinh thái thủy sinh (vị trí Dự án cách bờ 4,5 km, trong bán kính 07 km không có hoạt động nuôi trồng thủy sản, công trình).

3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Chủ yếu từ hoạt động đốt nhiên liệu của phương tiện khai thác; mang tính chất phân tán trên phạm vi không gian rộng; thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, hữu cơ, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu (CO, NO_x, SO_x,...).

4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân trên phương tiện khai thác; thành phần bao gồm các loại bao bì, vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa với tổng khối lượng khoảng 08 kg/ngày.

5. Quy mô, tính chất của CTNH: Chủ yếu bao gồm cặn dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu,... với khối lượng phát sinh khoảng 205 kg/năm; thành phần có chứa các chất có tính độc hại gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái thủy sinh trên biển.

6. Quy mô, tính chất của tiếng ồn: Chủ yếu từ quá trình hoạt động của phương tiện khai thác, vận chuyển; khu vực khai thác trên biển, cách xa bờ nên tác động từ tiếng ồn đến khu vực xung quanh ở mức thấp, chủ yếu tác động đến công nhân trực tiếp làm việc.

7. Tác động gây xói lở bờ biển: Tại vị trí khai thác ở mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (9,7 m) sẽ đảm bảo sự ổn định, an toàn khi khoảng cách trên 36 m; theo đó, Dự án cách bờ 4,5 km (đã có bờ kè bê tông kiên cố), cách mỏ đang khai thác gần nhất 3,5 km nên việc triển khai Dự án khai thác sẽ đảm bảo an toàn đến bờ biển và các công trình xung quanh gần nhất.

8. Các sự cố, rủi ro phát sinh: Hoạt động khai thác có khả năng xảy ra các sự cố về cháy nổ, tai nạn giao thông đường thủy, tràn dầu; sự cố phát sinh gây thiệt hại về tài sản, tính mạng con người và môi trường sinh thái khu vực xung quanh Dự án.

9. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

9.1. Về thu gom và xử lý nước thải

9.1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Phương tiện khai thác, vận chuyển trang bị nhà vệ sinh (có bể tự hoại 03 ngăn với thể tích bể chứa khoảng 1,0 m³) để thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định đối với phương tiện giao thông thủy.

- Định kỳ khi kết thúc 06 tháng khai thác trong năm, phương tiện khai thác, vận chuyển vào bờ và sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút và vận chuyển xử lý theo quy định. Đồng thời, các phương tiện thực hiện kiểm định định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

9.1.2. Nước thải từ hoạt động khai thác

- Điều khiển phương tiện khai thác với vận tốc di chuyển, độ sâu hạ đầu hút với góc nghiêng phù hợp để lượng cát khai thác hiệu quả nhất và hạn chế sự xáo trộn đáy biển.

- Khai thác theo đúng thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt (khai thác theo từng tuyến, khai thác theo hướng từ phía biển về phía bờ, khai thác từ hạ lưu về thượng lưu và khai thác theo hình thức cuốn chiếu).

- Tiến hành giám sát chất lượng nước xung quanh khu vực khai thác để làm cơ sở xem xét điều chỉnh giải pháp thi công (tần suất, thời điểm thi công,...) và cung cấp các kết quả giám sát định kỳ đến cơ quan nhà nước kiểm tra khi cần thiết.

9.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng phương tiện khai thác, vận chuyển còn trong thời hạn kiểm định để hoạt động khai thác. Định kỳ kiểm định về an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường của các phương tiện theo quy định.

- Sử dụng nhiên liệu cho phương tiện theo đúng thiết kế, có hàm lượng lưu huỳnh thấp, không chứa chì.

- Các phương tiện khai thác, vận chuyển đảm bảo hoạt động đúng công suất thiết kế, tuyệt đối không hoạt động vượt công suất định mức.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc.

9.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Trên mỗi phương tiện trang bị 02 thùng chứa rác thải để thu gom, phân loại như sau:

- Trang bị 01 thùng chứa có nắp đậy kín (có thể tích 120 lít) để chứa rác hữu cơ như rau, củ, quả, thức ăn thừa,... và thực hiện ủ phân.

- Trang bị 01 thùng chứa rác vô cơ (có kích thước 120 lít) để chứa các vật dụng hư hỏng như ly, vỏ, hộp, đồ cao su, sành sứ, thủy tinh,...

Định kỳ (dự kiến khoảng 02 ngày; phương tiện cung cấp nước uống, thực phẩm sẽ đảm nhận việc trung chuyển rác khi quay vào bờ) sẽ chuyển rác thải trên phương tiện khai thác vào bờ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thực hiện thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

9.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

- Tuân thủ quy trình tiếp nhiên liệu kín từ nguồn cấp vào phương tiện, không để rơi vãi xuống biển.

- Mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển bố trí thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm (két thu hồi hỗn hợp dầu nước, két dầu bản,...) và được kiểm định hàng năm để lưu chứa dầu thải; trang bị 02 thùng nhựa có nắp đậy kín để lưu chứa bao bì, giẻ lau có dính dầu nhớt. Các thiết bị lưu chứa được dán nhãn, đậy kín và bố trí khu vực riêng.

- Ban hành nội quy quy định bắt buộc nhân viên trên tàu không xả rác, dầu cặn xuống biển, khi có phát sinh phải lưu chứa vào các thiết bị lưu chứa đã trang bị trên tàu.

- Định kỳ khi kết thúc 06 tháng khai thác trong năm, phương tiện khai thác, vận chuyển vào bờ và sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý. Đảm bảo công tác quản lý CTNH phát sinh theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

9.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện; sử dụng nhiên liệu dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp, đúng với thiết kế.

- Thực hiện kiểm định định kỳ về đặc tính an toàn kỹ thuật, điều kiện làm việc của các phương tiện thi công, vận chuyển. Chỉ sử dụng phương tiện còn trong thời hạn kiểm định cho hoạt động khai thác, vận chuyển.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý; các phương tiện vận chuyển khi đậu chờ phải tắt máy; chỉ khai thác từ 07 giờ đến 17 giờ trong ngày, tuyệt đối không khai thác vào ban đêm.

9.6. Biện pháp đảm bảo sự ổn định, an toàn bờ biển, công trình xung quanh

- Đảm bảo khai thác đúng vị trí và độ sâu thiết kế khai thác.

- Thực hiện chương trình giám sát, đo đạc địa hình đáy biển khu vực khai thác trong giai đoạn khai thác và kết thúc khai thác theo đúng quy định.

9.7. Biện pháp phòng ngừa sự cố, rủi ro phát sinh

9.7.1. Sự cố cháy nổ

- Tuân thủ các quy định về quản lý nhiên liệu, tiếp nhiên liệu cho công nhân và đảm bảo an toàn để hạn chế sự cố cháy nổ xảy ra, không tồn trữ khối lượng lớn nhiên liệu trên các phương tiện.

- Ban hành nội quy yêu cầu công nhân làm việc tuân thủ đúng các nguyên tắc về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; nghiêm cấm hút thuốc hay thực hiện các hoạt động có khả năng gây ra tia lửa khu vực có chứa nhiên liệu, khu vực lưu trữ CTNH.

- Đảm bảo trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy trên từng phương tiện khai thác, vận chuyển (bơm ly tâm, bình CO₂, bình bột,...); Bố trí, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị chữa cháy theo đúng quy định.

9.7.2. An toàn giao thông thủy

- Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Trước khi khai thác, Chủ dự án thực hiện cắm mốc (lắp đặt phao định vị) tại các điểm góc khu vực khai thác, trong quá trình khai thác thường xuyên kiểm tra các phao, biển báo hiệu, đèn báo hiệu xác định phạm vi mỏ.

- Xây dựng kế hoạch, điều động phương tiện vận chuyển ra, vào khu vực khai thác hợp lý.

- Các phương tiện khai thác, phương tiện vận chuyển khi đậu chờ phải được thả neo cố định không để xảy ra việc trôi dạt phương tiện.

- Quá trình lưu thông các phương tiện vận chuyển tuân thủ đúng quy định về an toàn giao thông đường thủy (phạm vi lưu thông, tốc độ lưu thông, báo hiệu an toàn,...).

9.7.3. Tràn dầu

- Định kỳ đăng kiểm phương tiện khai thác, vận chuyển theo đúng quy định nhằm đảm bảo điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo trang bị các dụng cụ, phương tiện báo hiệu như phao, đèn báo,... nhằm ngăn ngừa sự cố tai nạn phát sinh.

- Khi có hiện tượng thời tiết bất thường (gió lớn, bão,...) thì ngừng ngay hoạt động khai thác, thực hiện neo đậu phương tiện chắc chắn tại nơi tập kết an toàn.

- Khi xảy ra sự cố gây tràn dầu: Chủ dự án tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình triển khai thực hiện ứng phó kịp thời; đồng thời, thực hiện thông báo đến cơ quan quản lý để xử lý và khắc phục sự cố.

- Chủ dự án cam kết thực hiện thủ tục ứng phó sự cố tràn dầu đúng theo quy định.

III. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện:

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án bao gồm các giải pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố môi trường phát sinh trong quá trình khai thác; không xây dựng các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa sự cố, rủi ro phát sinh về sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông thủy, tràn dầu trong suốt quá trình khai thác.

- Trường hợp phát sinh sự cố, Chủ dự án chủ động thực hiện khắc phục, xử lý sự cố (thuê đơn vị chức năng thực hiện,...) và phối hợp với cơ quan thẩm quyền theo quy định để xử lý sự cố phát sinh.

3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ: 650.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

- Thời gian ký quỹ: 5 năm.
- Thời điểm ký quỹ:
 - + Ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ (đối với Dự án là lúc bắt đầu khai thác).
 - + Ký quỹ các lần tiếp theo (lần 02, 03, 04, 05): Trước ngày 31/01 năm ký quỹ.
- Phương thức ký quỹ: Thực hiện ký quỹ 05 lần, cụ thể:
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu (25% tổng số tiền ký quỹ): 162.500.000 đồng.
 - + Số tiền ký quỹ lần 02, 03, 04, 05 (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 121.875.000 đồng/lần.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án trong quá trình khai thác

Dự án thực hiện khai thác 06 tháng/năm (vào các tháng 6, 7, 8, 9, 10, 11), chương trình giám sát môi trường như sau:

4.1. Giám sát chất lượng nước biển

- Số lượng mẫu: 03 mẫu.
- Vị trí lấy mẫu:
 - + 01 mẫu tại khu vực mỏ khai thác.
 - + 01 mẫu tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy.
 - + 01 mẫu tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển.
- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Fe tổng, PO₄³⁻, Amoni, Florua, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển, chất lượng nước biển vùng ven bờ.

- Tần suất: 02 lần/năm (tháng 7 và tháng 10).

4.2. Giám sát thủy sinh

- Số lượng mẫu: 02 mẫu
- Vị trí lấy mẫu:
 - + 01 mẫu cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy
 - + 01 mẫu cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển.
- Thông số: Phiêu sinh thực vật, phiêu sinh động vật, động vật đáy.
- Tần suất: 02 lần/năm (tháng 7 và tháng 10).

4.3. Giám sát chất lượng trầm tích

- Số lượng mẫu: 03 mẫu.

- Vị trí lấy mẫu:
- + 01 mẫu tại khu vực mỏ khai thác
- + 01 mẫu tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy
- + 01 mẫu tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển.
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cu, Fe.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2017/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích (trầm tích nước mặn, lợ).
- Tần suất: 02 lần/năm (tháng 7 và tháng 10).

4.4. Đo vẽ địa hình đáy biển khu vực khai thác

- Đo vẽ địa hình đáy biển hiện trạng khu vực khai thác để lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng. Yêu cầu về nội dung bản vẽ: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Tần suất thực hiện: 06 tháng/lần.

4.5. Giám sát chất thải rắn thông thường, CTNH

- Thành phần giám sát: Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, CTNH.
- Nội dung giám sát: Khối lượng phát sinh, công tác thu gom, xử lý qua sổ sách nhật ký, hợp đồng.
- Vị trí giám sát: Vị trí tập kết chất thải trên phương tiện khai thác, vận chuyển.

4.6. Giám sát khác

- Giám sát vấn đề sự cố loang dầu, tràn dầu (kiểm tra vị trí neo đậu phương tiện vận chuyển, vị trí trữ nhiên liệu).
- Giám sát điều kiện khai thác và phương tiện khai thác: Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ trong suốt quá trình khai thác (độ sâu khai thác, khoảng cách xa bờ, khối lượng khai thác hàng năm theo thiết kế, phương tiện khai thác, vận chuyển,...).
- Giám sát đường bờ biển khu vực khai thác:
 - + Thực hiện kiểm tra định kỳ (03 tháng/lần) trong suốt quá trình khai thác về hiện trạng đường bờ.
 - + Phạm vi giám sát: Toàn bộ chiều dài 1.500 m bờ biển xã Trường Long Hòa khu vực mỏ của Dự án.

V. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Chủ dự án phải thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện khai thác đúng theo phạm vi, quy mô, công suất và phương án khai thác được cấp phép, phê duyệt. Theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình khai thác; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý nguồn thải từ hoạt động khai

thác đảm bảo đúng quy định và phòng ngừa, giảm thiểu những tác động khác đến khu vực xung quanh (an toàn giao thông thủy, tiếng ồn,...).

2. Phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh đúng theo quy định về quản lý chất thải và phế liệu tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; đồng thời, chất thải nguy hại phải được quản lý đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Chủ dự án lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi cơ quan quản lý theo đúng quy định.

3. Chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về khai thác khoáng sản; an toàn giao thông hàng hải; ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường; ứng phó sự cố tràn dầu và các quy định khác có liên quan khi triển khai Dự án.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

5. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, sức khỏe của công nhân và đối tượng xung quanh thì Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo, phối hợp xử lý; thực hiện bồi thường thiệt hại theo quy định. Đồng thời, Chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cát san lấp ven biển tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển 05 năm (2021-2025) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) mỏ cát tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày 18/7/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 504/TTr-STNMT ngày 28/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh; địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Mục đích sử dụng khu vực biển: Khai thác cát san lấp ven biển.
- Địa điểm khu vực biển: Xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích là: 45 ha (trừ lượng cấp phép khai thác: 1.128.760 m³), được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ:

Điểm góc	Hệ tọa độ phẳng: VN-2000 Kinh tuyến trục 105° 30', Múi chiếu 3°	
	X	Y
1	1060750.00	619700.00
2	1062056.00	620436.00
3	1062203.00	620175.00
4	1060897.00	619438.00

(Đính kèm sơ đồ giao khu vực biển).

- Độ sâu đề nghị sử dụng: -10 m.
- Thời hạn được giao khu vực biển: Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 26/5/2026 (trường hợp dự án nhà máy điện gió tại vị trí V3-5 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh sẽ trả lại khu vực biển để Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án).

- Tiền sử dụng khu vực biển Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh phải nộp hàng năm là: **292.500.000 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ngàn đồng). Mức thu tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh (6.500.000 đồng/ha/năm x 45 ha x 01 năm = 292.500.000 đồng).

Điều 2. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tiến hành sử dụng khu vực biển theo đúng tọa độ, diện tích, phạm vi, ranh giới, độ cao được giao.
3. Sử dụng khu vực biển đúng mục đích quy định tại Điều 1 Quyết định này.

4. Nộp tiền sử dụng khu vực biển hàng năm theo Thông báo của cơ quan thuế.

5. Trước khi tiến hành sử dụng khu vực biển phải thông báo với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để bàn giao trên thực địa.

6. Báo cáo, cung cấp thông tin tình hình sử dụng khu vực biển cho cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường biển, phục hồi, cải thiện môi trường biển khi thời hạn sử dụng khu vực biển hết hiệu lực.

8. Không cản trở các hoạt động khai thác, sử dụng hợp pháp tài nguyên biển đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện trong khu vực biển được giao và các hoạt động hợp pháp khác trên biển theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

1. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, các tổ chức, cá nhân có liên quan và Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TN&MT, TC, CT, NN&PTNT, Công an tỉnh, BCH QS tỉnh, BCH BDBP tỉnh, Cục Thuế tỉnh;
- Ban Quản lý Khu Kinh tế Trà Vinh;
- Kho bạc Nhà nước Trà Vinh;
- UBND thị xã Duyên Hải;
- Cty CP ĐTPT DL biển Ba Động Trà Vinh;
- LĐVP; các Phòng: CNXD, KT;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3067** /UBND-NN

Trà Vinh, ngày **20** tháng 7 năm 2022

V/v thực hiện thủ tục môi trường đối với dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Xét Báo cáo số 704/STNMT-QLMT ngày 13/7/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thủ tục môi trường đối với dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch Biển Ba Động Trà Vinh sau khi nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về nguyên tắc, thống nhất điều chỉnh thời gian khai thác cát san lấp của dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 từ “6 tháng/năm” thành “12 tháng/năm” và thực hiện quan trắc môi trường (nước biển, thủy sinh, trầm tích) tần suất 3 tháng/lần theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ như đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo nêu trên.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, giám sát Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch Biển Ba Động Trà Vinh tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần ĐTPT du lịch Biển Ba Động Trà Vinh
- LDVP;
- Lưu: VT, PNN. *04bài*

CHỦ TỊCH


Lê Văn Hân

Số: 1268/QBVM-T-KQ

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 01)

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ – CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ – CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT – BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 33/GP-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh cho phép Công ty TNHH MTV Dũng Tiền khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Giấy đề nghị ký quỹ và Hồ sơ ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty TNHH MTV Dũng Tiền,

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận:

Tên Tổ chức: Công ty TNHH MTV Dũng Tiền

Địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông Võ Quốc Dũng

Chức vụ: Giám đốc.

Tài khoản : 7410201000940 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã Duyên Hải.

Đã nộp đủ số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường lần thứ 01 đối với hoạt động khai thác khoáng sản số tiền nộp là 162.500.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và quyết định phê duyệt cho:

- Tên dự án khai thác khoáng sản: “Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

- Địa điểm khai thác: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Giấy phép khai thác Khoáng sản số 33/GP-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Thời gian khai thác 05 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

- Công suất khai thác:

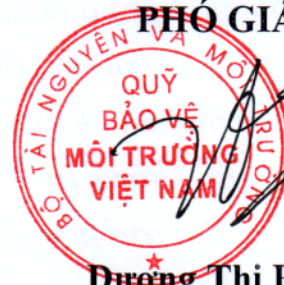
+ Năm thứ nhất: 400.000 m³/năm

+ 04 năm còn lại: 204.875m³/năm. *W*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Dũng Tiên;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Sở TN &MT tỉnh Trà Vinh;
- Phòng TC-KT Quý;
- Lưu: VT, TT, L.(5). *W*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Thị Phương Anh

Số: /QBVMT-KQ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 02)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận:

Tên Tổ chức: Công ty TNHH MTV Dững Tiên.

Địa chỉ: Khóm 4, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0913739659.

Tài khoản : 7410201000940 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã Duyên Hải.

Đại diện: Ông Võ Quốc Dững.

Chức vụ: Giám đốc.

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 02 là: 123.885.938 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) vào tài khoản Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo đúng cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và quyết định phê duyệt cho:

- Tên phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho “Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

- Địa điểm: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 33/GP-UBND ngày 26/5/2021 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp.

- Thời hạn của Giấy phép từ ngày 26 tháng 5 năm 2021 đến ngày 26 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Dững Tiên;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Sở TN &MT tỉnh Trà Vinh;
- Phòng TC-KT Quý;
- Lưu: VT, TT, L.(5).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Thị Phương Anh

Số: /QBVMT-KQ

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 03)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển Du lịch biển Ba Động – Trà Vinh.

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0345.123456.

Tài khoản : 070122131279 tại Ngân hàng Sacombank CN Duyên Hải.

Đại diện: Ông Bùi Vĩnh Phước.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 03 là: 128.296.277 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) vào tài khoản Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và quyết định phê duyệt kết quả thẩm định cho:

- Tên phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho “Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

- Địa điểm: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp.

- Thời hạn của Giấy phép từ ngày 27 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Công ty CP ĐT-PT du lịch biển Ba Động Trà Vinh;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Sở TN &MT tỉnh Trà Vinh (để phối hợp);
- Giám đốc Quỹ (để báo cáo);
- Ban Kiểm soát;
- Phòng TC-KT Quỹ;
- Lưu: VT, TT, L.(5).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Cao Mạnh Đàm

Số: /QBVMT-KQ

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 04)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; Chứng từ giao dịch ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Trà Vinh – HN),

Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển du lịch Biển Ba Động – Trà Vinh.

Địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0345.123456.

Tài khoản : 070122131279 tại Ngân hàng Sacombank CN Duyên Hải.

Đại diện: Ông Bùi Vĩnh Phước.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 04 là: 132.850.795 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng) vào tài khoản Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo cam kết trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường và quyết định phê duyệt kết quả thẩm định cho:

- Tên phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Phương án cải tạo, phục hồi môi trường cho “Dự án Đầu tư khai thác mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

- Địa điểm: xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp.

- Thời hạn của Giấy phép từ ngày 27 tháng 6 năm 2022 đến ngày 26 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Công ty CP ĐT-PT du lịch biển Ba Động Trà Vinh;
- Tỉnh Trà Vinh: UBND, Sở TN &MT;
- Giám đốc Quỹ (để báo cáo);
- PGĐ Cao Mạnh Đàm;
- Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng;
- Lưu: VT, TC-KT, TT, L.(6).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Cao Mạnh Đàm

Số: 169 /QĐ-CVHHCT

Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ Quy định bảo vệ công trình hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGTVT ngày 04/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải Công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, vùng nước các cảng biển trên sông Hậu thuộc địa phận các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 19/2021/TT-BGTVT ngày 14/9/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc cho phép Công ty CP Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Xét Đơn đề nghị gia hạn phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải số 22/2023/ĐĐN-BĐTV ngày 22/8/2023 của Công ty CP Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh; Bản chính Phương án bảo đảm an toàn hàng hải và các hồ sơ, bản vẽ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - An toàn, an ninh hàng hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn hàng hải (sau đây viết tắt là Phương án) sử dụng vùng nước cảng biển cho phương tiện neo đậu, hoạt động khai thác cát tại khu vực ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát san lấp) tại mỏ cát thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.



2. Địa điểm khai thác: khu vực ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh.

- Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

- Điện thoại: 0345 123456.

4. Đơn vị khai thác: Công ty CP Đầu tư - Phát triển Du lịch biển Ba Động Trà Vinh.

5. Khu vực vùng nước cảng biển cho phép phương tiện neo đậu, hoạt động:

Phạm vi khu vực mở cát khai thác theo Giấy phép số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh được giới hạn tại 4 điểm góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105°30', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ WGS-84 (tham khảo)	
	X(m)	Y(m)	Vĩ độ (Bắc)	Kinh độ (Đông)
1	1 060 750	619 700	9°35'25.54"	106°35'32.11"
2	1 062 056	620 436	9°36'07.97"	106°35'56.38"
3	1 062 203	620 175	9°36'12.78"	106°35'47.84"
4	1 060 897	619 438	9°35'30.35"	106°35'23.53"

6. Thời gian khai thác trong ngày: từ 07 giờ đến 17 giờ.

7. Thời hạn khai thác: theo Giấy phép số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

8. Số lượng phương tiện đăng ký khai thác: theo văn bản số 63/CV-BBĐTV ngày 09/8/2023 của Chủ đầu tư gửi đăng ký đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh và các cơ quan chức năng tại địa phương khi được chấp thuận.

Các phương tiện đăng ký vào hoạt động phải có cấp đăng kiểm phù hợp hoạt động ven biển và xin phép vào hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

9. Biện pháp khai thác: sử dụng tàu hút khai thác cát đưa lên phương tiện, sau đó vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

10. Biện pháp bảo đảm an toàn hàng hải: theo Mục V của Phương án, gồm các nội dung chính sau:

- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương 03 kỳ liên tiếp về việc triển khai khai thác mở cát theo giấy phép được cấp;

- Các phương tiện khai thác cát, vận chuyển cát khi hoạt động, neo đậu trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ theo quy định tại Điều 62 và Điều 65 của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP; phân công người trực, cảnh giới, tuân thủ các quy tắc về điều động tránh va, bố trí đầy đủ đèn và dấu hiệu, trang bị thiết bị giám sát hành trình (AIS) và các thiết bị thông tin liên lạc theo đúng Phương án được duyệt;

- Tạm dừng việc khai thác khi gặp thời tiết xấu (mưa bão, biển động, lốc

xoáy, gió giật mạnh...), di chuyển các tàu hút vào neo đậu an toàn gần bờ tại khu vực sông Láng Chim thuộc xã Trường Long Hòa hoặc cửa sông Cổ Chiên.

11. Phương án tổ chức và phối hợp thực hiện: theo Mục VI của Phương án.

12. Các chú ý:

- Đơn vị khai thác có trách nhiệm lắp đặt các bảng hiệu giới hạn chiều dài khu vực khai thác gần bờ, kèm theo đầy đủ thông tin liên quan đến dự án;

- Các phương tiện khai thác phải khai thác đúng khu vực cho phép hoạt động; có bảng hiệu của chủ đầu tư và đầy đủ giấy tờ có liên quan phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng; làm thủ tục đến, rời khu vực khai thác tại Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Trà Vinh;

- Chủ đầu tư phải hoàn tất các thủ tục pháp luật khác có liên quan theo quy định trước khi tiến hành khai thác; thực hiện nghiêm các yêu cầu tại Giấy phép số 38/GP-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh; báo cáo định kỳ hàng quý về hoạt động khai thác cho Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trong phạm vi khu vực khai thác của mình; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các phương tiện khai thác, phương tiện tham gia vận chuyển, hoạt động đúng khu vực cho phép và thực hiện đầy đủ yêu cầu theo Phương án được duyệt (gồm 12 trang lưu tại Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ).

2. Phòng Thanh tra - An toàn, an ninh hàng hải chủ trì, phối hợp với Phòng Pháp chế hàng hải, Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Trà Vinh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực đến ngày 29/8/2024.

Trưởng các phòng nghiệp vụ, Trưởng Đại diện Cảng vụ Hàng hải tại Trà Vinh trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, Chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TTr.ATANHH, PC, ĐDTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Hồng Lục

Số: 278 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Xét nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 46/CV-BC ngày 17/01/2022 của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 72/TTr-STNMT ngày 21/01/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền (đính kèm kế hoạch).

Điều 2. Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung được nêu trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiền được phê duyệt và các yêu cầu sau:

1. Sẵn sàng lực lượng, phương tiện, thiết bị và thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng trang thiết bị để kịp thời ứng phó khi có sự cố tràn dầu xảy ra; hàng năm có kế hoạch đầu tư, mua sắm hoặc hợp đồng thuê phương tiện, trang thiết bị cần thiết để ứng phó kịp thời khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

2. Định kỳ tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu theo các tình huống giả định nêu trong kế hoạch; khi phát hiện có sự cố tràn dầu xảy ra phải nhanh chóng báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chức năng của tỉnh để kịp thời ứng phó nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự phát tán dầu tràn ra môi trường.

3. Khi có sự cố xảy ra trong phạm vi quản lý khẩn trương phối hợp với các ngành có liên quan xác định nguyên nhân sự cố, đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ thiệt hại đến môi trường, giám định thiệt hại và giải quyết bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Định kỳ 06 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Chi huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

5. Thường xuyên cập nhật Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiên và trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi về nội dung kế hoạch thì chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, những nội dung thay đổi, bổ sung chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Thường trực Ban Chi huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiên đã được phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thường trực Ban Chi huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải và Công ty TNHH Một thành viên Dũng Tiên có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- LDVP;
- Lưu: VT, PNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quỳnh Thiện

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 401 /2023/HĐKT/TTN-TM

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;

Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường.

Căn cứ Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.137.VX do Tổng cục Môi trường cấp lần đầu ngày 26/11/2020;

Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Du Lịch Biển Ba Động Trà Vinh;

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2023, tại Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên, các Bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH

Địa chỉ : Khóm 1, Phường 1, Thị Xã Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 0345 123 456

Mã số thuế : 2100665114

Đại diện : Ông BÙI VĨNH PHƯỚC

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau đây gọi tắt là Bên A.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ : Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại : 0251 261 5566 – 0938 04 04 16

Mã số thuế : 36 00 64 85 10

Tên tài khoản: CTY CO PHAN MOI TRUONG TAN THIEN NHIEN

Số tài khoản : 151704070004497

Ngân hàng : HDBank – PGD Long Thành, Đồng Nai

Đại diện : Ông TÓNG QUÝ KHIÊM

Chức vụ: Giám đốc

Sau đây gọi tắt là Bên B.

Hai Bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1.1. Nội dung Hợp đồng

Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên A. Danh mục chất thải được nêu tại Điều 2 của Hợp đồng.

Địa điểm xử lý chất thải: Ấp 7, xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Thời hạn Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

ĐIỀU 2: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Danh mục, số lượng chất thải và đơn giá xử lý

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	Kg
02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg
04	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Kg

Ghi chú:

- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý chất thải;
- Đơn giá trên chưa bao gồm 8% VAT;
- Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thỏa thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa 2 Bên;
- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.

2.2. Giá trị Hợp đồng khoán: 21.600.000 VNĐ (Đã bao gồm 8% VAT)

Bằng chữ: Hai mươi một triệu sáu trăm ngàn Việt Nam Đồng.

- Giá trị hợp đồng đang áp dụng với thuế suất giá trị gia tăng hiện hành là 8% (Tám phần trăm). Trong trường hợp thuế suất giá trị gia tăng thay đổi theo quy định của nhà nước thì giá trị hợp đồng sẽ điều chỉnh theo thuế suất tương ứng theo quy định của nhà nước.
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao của cơ sở trong 1 năm (01 lần gom) \leq 100 Kg (Trong đó, bóng đèn huỳnh quang thải \leq 10 Kg; các chất khác \leq 90 Kg) thì sẽ được vận chuyển và xử lý một lần với giá khoán như trên.
- Trường hợp phát sinh: Nếu khối lượng chất thải bàn giao: bóng đèn huỳnh quang thải $>$ 10 Kg; hoặc các chất khác $>$ 90 Kg, thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể Bên B sẽ thông báo.

Chi phí xử lý chất thải phát sinh = Khối lượng CTNH (theo mã) \times đơn giá.

2.3. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng với số tiền 21.600.000 VNĐ (Hai mươi một triệu sáu trăm ngàn Việt Nam Đồng) đã bao gồm 8% VAT sau khi ký hợp đồng và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán từ Bên B.

- Hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:
 - + Hợp đồng
 - + Giấy đề nghị thanh toán
 - + Hóa đơn tài chính

Chi phí xử lý phát sinh sẽ được thanh toán ngay sau khi khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải bàn giao $>$ 10 Kg hoặc các chất khác bàn giao $>$ 90 Kg.

Chi phí vận chuyển phát sinh sẽ được tính ngay sau khi số lần vận chuyển lớn hơn 01 (một) chuyến trong suốt quá trình hợp đồng.

- Phương thức thanh toán:

Sau khi ký hợp đồng, Bên B xuất hoá đơn tài chính, Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày bằng chuyển khoản vào tài khoản số: 151704070004497 - Ngân hàng HDBank - PGD Long Thành. Số tài khoản này là số tài khoản duy nhất dùng để giao dịch, không tự ý thay đổi.

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao.

Trên cơ sở đó, nếu có chi phí phát sinh, bên B xuất hóa đơn và Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính từ bên B.

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.

Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng thì:



- Bên A phải chịu phạt với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.
- Bên B ngừng thu gom chất thải cho Bên A.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN

3.1. Địa điểm tiếp nhận

Bên B sẽ tiếp nhận chất thải tại kho chứa chất thải của Bên A, địa chỉ: Mỏ cát san lấp ven biển thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (phía bên bờ thuộc xã thuộc xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh).

Chất thải được thu gom, phân loại và tập trung tại Kho chứa chất thải riêng biệt của Bên A và được chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải; đảm bảo an toàn, tránh rò rỉ ra môi trường.

3.2. Thời gian tiếp nhận

- Việc tiếp nhận chất thải được tiến hành theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Bên A.
- Thời gian thu gom, vận chuyển chất thải sẽ được thông báo bằng điện thoại hoặc văn bản.
- Trong thời gian 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, Bên B có trách nhiệm thông báo thời gian tiến hành vận chuyển chất thải.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1. Quyền và trách nhiệm Bên A

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ chất thải thành từng nhóm, loại riêng biệt theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT hoặc các quy định hiện hành về quản lý chất thải rắn của Nhà nước Việt Nam;

- Có quyền từ chối chuyển giao chất thải nếu Bên B điều động phương tiện, vận chuyển không nằm trong danh mục Giấy phép Xử lý chất thải do Bộ Tài nguyên Môi trường cấp;

- Trong trường hợp Bên A tự ý giao chất thải cho cá nhân, đơn vị khác hoặc phương tiện vận chuyển khác không nằm trong danh mục Giấy phép xử lý chất thải của Bên B thì khi có sự cố xảy ra Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện Hợp đồng cũng như quá trình thu gom chất thải tại Nhà máy, kho chứa của Bên A: hỗ trợ xe nâng, xe xúc nếu cần thiết;

- Trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên A có bất kỳ sự thay đổi nào như: Tên cơ sở, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên B biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm;

- Thanh toán kinh phí thực hiện đúng theo Khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng.

4.2. Quyền và trách nhiệm Bên B

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của Bên A (được nêu tại Khoản 3.1 Điều 3) và xử lý tại Nhà máy của Bên B (được nêu tại Khoản 1.1 Điều 1) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại của Nhà nước Việt Nam;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của Bên A;

- Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển nằm trong danh mục Giấy phép xử lý chất thải do Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp. Nếu Bên B sử dụng không đúng phương tiện vận chuyển được cấp phép, Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm;

- Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của Bên A;

- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên A;

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên A;

- Được quyền từ chối nhận chất thải ngoài danh mục chất thải và địa điểm tiếp nhận được nêu tại Khoản 2.1 Điều 2 và Khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục, địa điểm tiếp nhận chất thải của Hợp đồng được hoàn tất;

- Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải, hoàn trả chứng từ chất thải nếu Bên A không thực hiện thanh toán đúng theo Khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng;

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai Bên cam kết thực hiện các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai Bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng. Mọi sự thay đổi nội dung cam kết của Hợp đồng này, nếu có, sẽ cùng được thảo luận và đồng thuận, trên tinh thần hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau;

- Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Đồng Nai, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng, buộc hai Bên thi hành, án phí do Bên thua chịu;

- Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật, công nghệ sản xuất và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả Bên A và Bên B. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu;

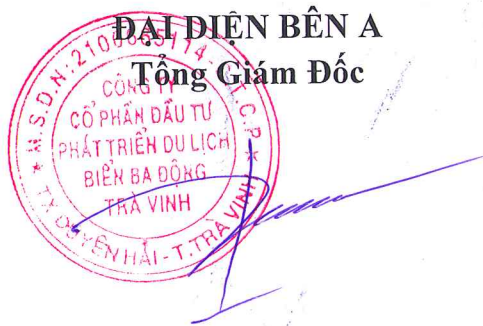
- Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thì phải báo trước cho Bên kia 30 (ba mươi) ngày bằng Văn bản. Sau khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm

của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại thì Hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý;

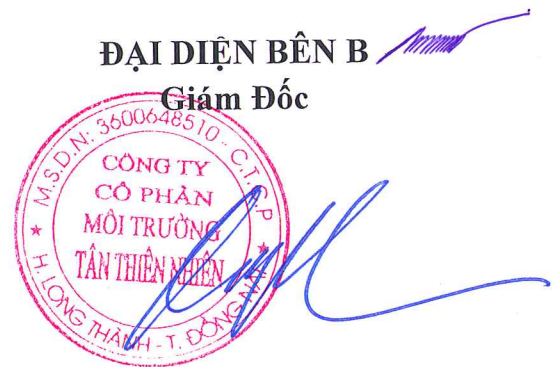
- Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Sau khi hết hạn Hợp đồng, nếu hai Bên không tiếp tục ký gia hạn, thì Hợp đồng này được xem như bản thanh lý;

Hợp đồng này gồm 06 (sáu) trang, được đóng dấu giáp lai và lập thành 05 (năm) bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên, có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 3 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực như ghi tại Điều 1.



BÙI VĨNH PHƯỚC



TỔNG QUÝ KHIÊM




BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH KHU MỎ
MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG HOÀ, TX. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH.

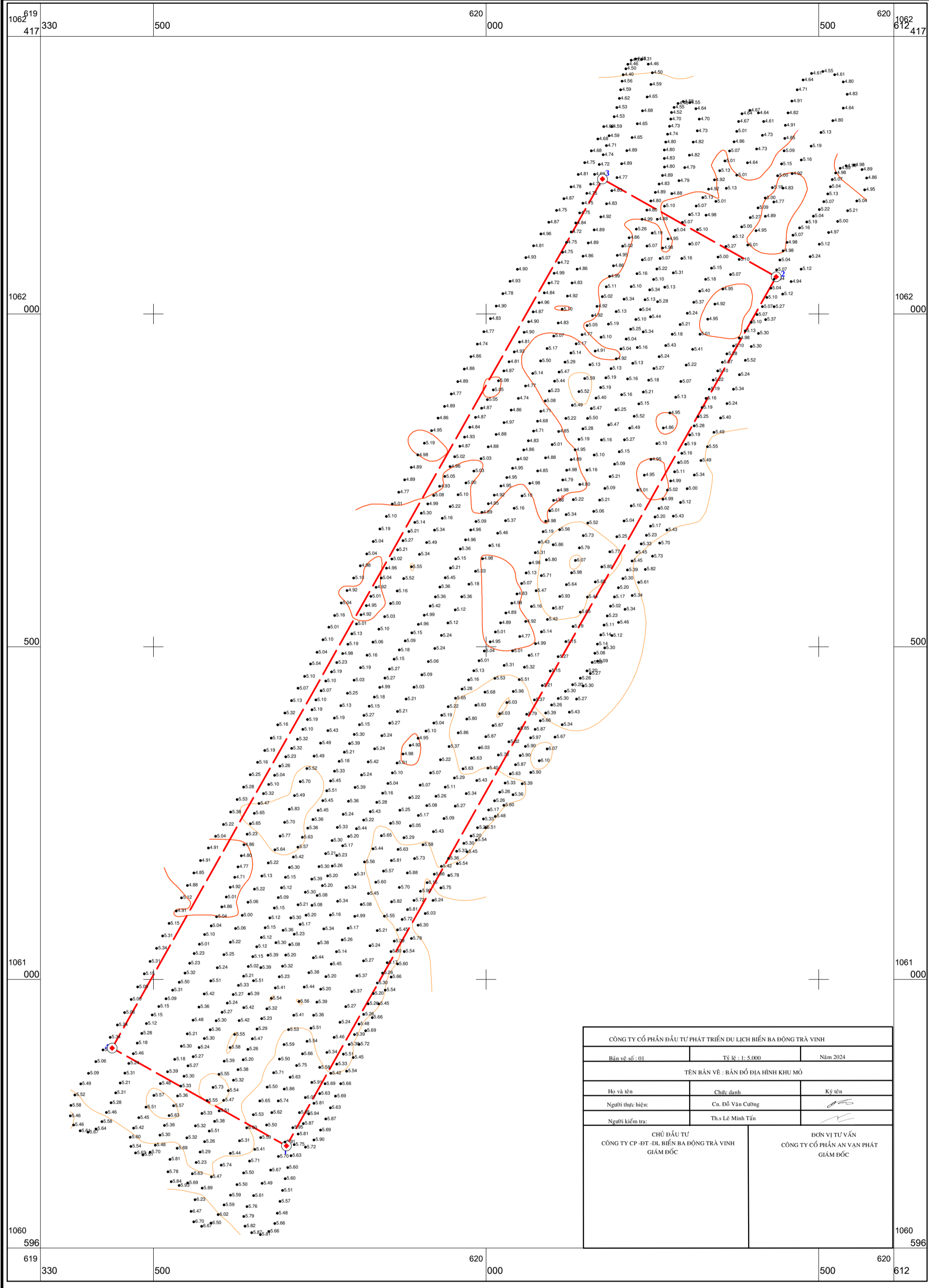
Năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

BẢNG TOA ĐỘ GÓC RANH MỎ		
ĐIỂM GÓC	Hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	1060750	619700
2	1062056	620436
3	1062203	620175
4	1060897	619438
DIỆN TÍCH: 45 ha		

CHỈ DẪN

-  Ranh giới thăm dò và điểm góc
-  Đường đẳng sâu và giá trị (m)
-  Điểm cao độ đáy biển



TỶ LỆ 1 : 5.000

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số.
 Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105,5 độ vĩ chiều 3 độ.
 Hệ độ cao nền đầu hải phòng.

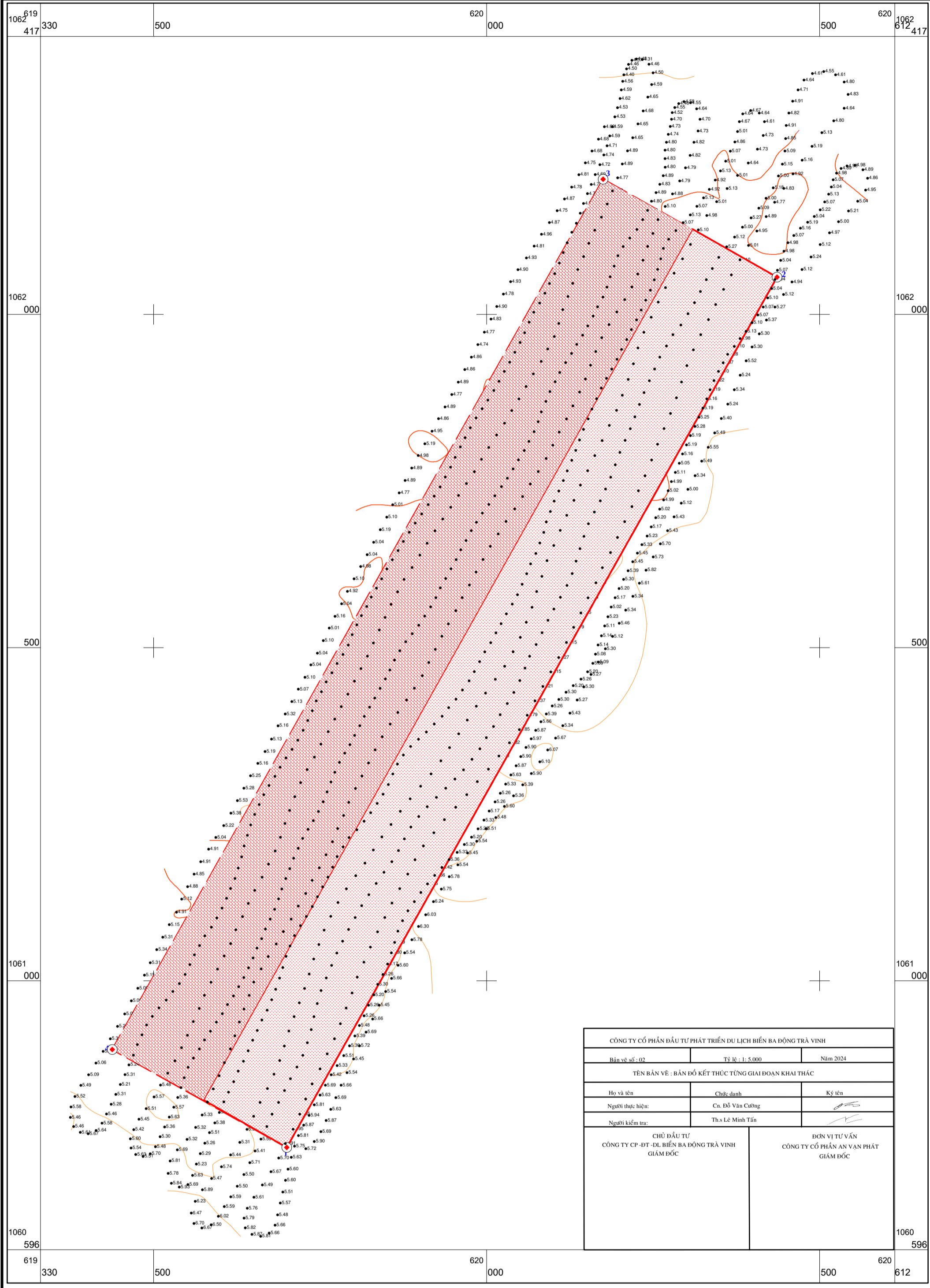
1 cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực địa

BẢN ĐỒ KẾT THÚC TỪNG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC
MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG HOÀ, TX. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH.

Năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

BẢNG TOA ĐỘ GÓC RANH MỎ		
ĐIỂM GÓC	Hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	1060750	619700
2	1062056	620436
3	1062203	620175
4	1060897	619438
DIỆN TÍCH: 45 ha		



- CHỈ DẪN**
- Ranh giới thăm dò và điểm góc
 - Đường đẳng sâu và giá trị (m)
 - Điểm cao độ đáy biển
 - Vị trí kết thúc khai thác giai đoạn 1
 - Vị trí kết thúc khai thác giai đoạn 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH		
Bản vẽ số: 02	Tỷ lệ: 1:5.000	Năm 2024
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KẾT THÚC TỪNG GIAI ĐOẠN KHAI THÁC		
Họ và tên	Chức danh	Ký tên
Người thực hiện:	Cn. Đỗ Văn Cường	
Người kiểm tra:	Ths Lê Minh Tấn	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP-ĐT-ĐL BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH GIÁM ĐỐC		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN AN VẠN PHÁT GIÁM ĐỐC

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số.
 Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105,5 độ múi chiếu 3 độ.
 Hệ độ cao nền đầu hải phòng.

TỶ LỆ 1 : 5.000
 1 cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực địa

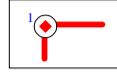
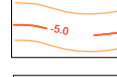
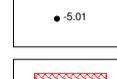

BẢN ĐỒ KẾT THÚC KHAI THÁC MỎ
MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG HOÀ, TX. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH.

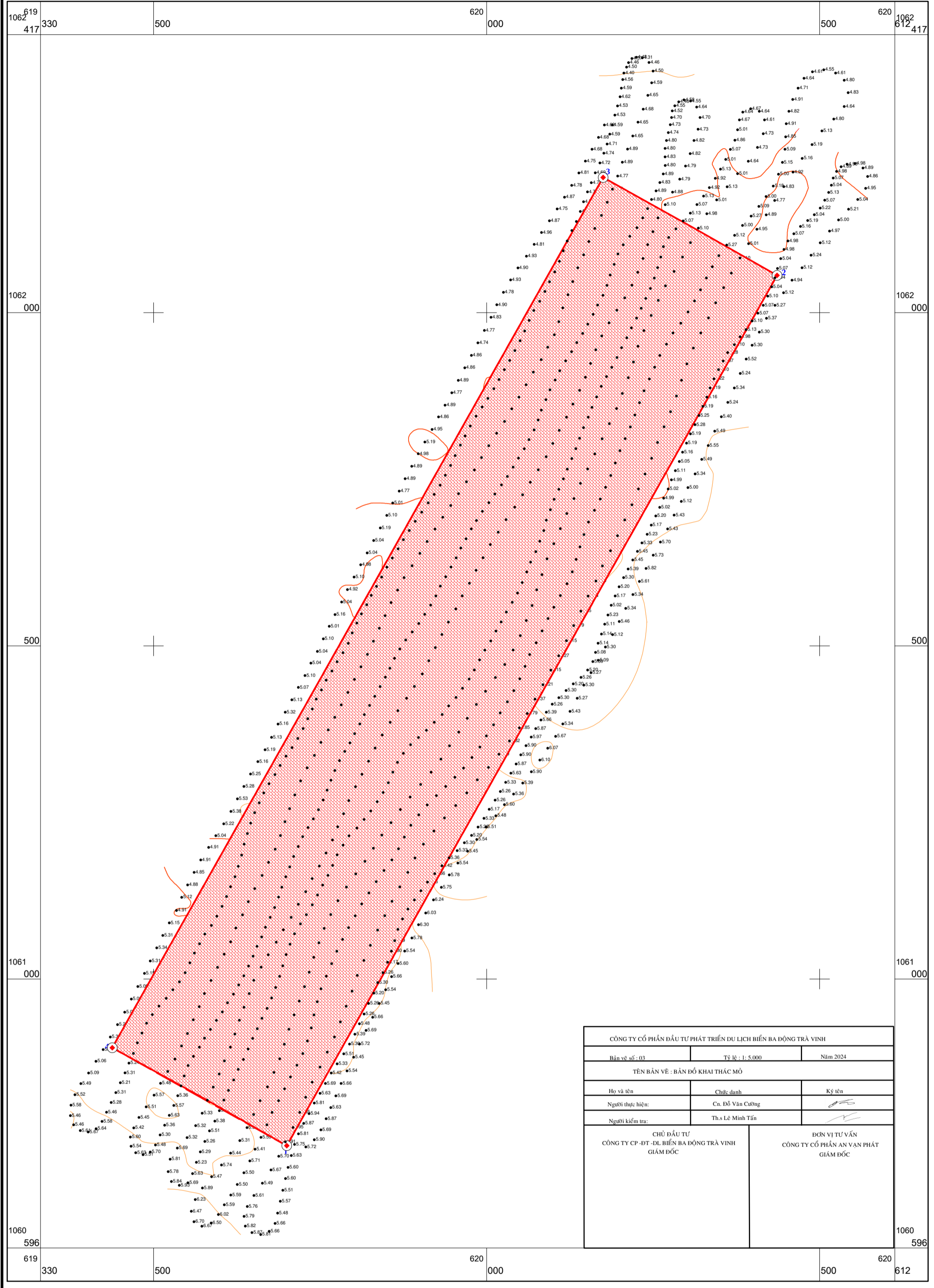
Năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

BẢNG TOA ĐỘ GÓC RANH MỎ		
ĐIỂM GÓC	Hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	1060750	619700
2	1062056	620436
3	1062203	620175
4	1060897	619438
DIỆN TÍCH: 45 ha		

CHỈ DẪN

-  Ranh giới thăm dò và điểm góc
-  Đường đẳng sâu và giá trị (m)
-  Điểm cao độ đáy biển
-  Vị trí kết thúc khai thác mỏ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH		
Bản vẽ số: 03	Tỷ lệ: 1:5.000	Năm 2024
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ KHAI THÁC MỎ		
Họ và tên:	Chức danh:	Ký tên:
Người thực hiện:	Cn. Đỗ Văn Cường	
Người kiểm tra:	Ths Lê Minh Tấn	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP-ĐT-DL BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH GIÁM ĐỐC		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN AN VẠN PHÁT GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ 1 : 5.000

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số.
 Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105,5 độ múi chiếu 3 độ.
 Hệ độ cao nền đầu hải phòng.

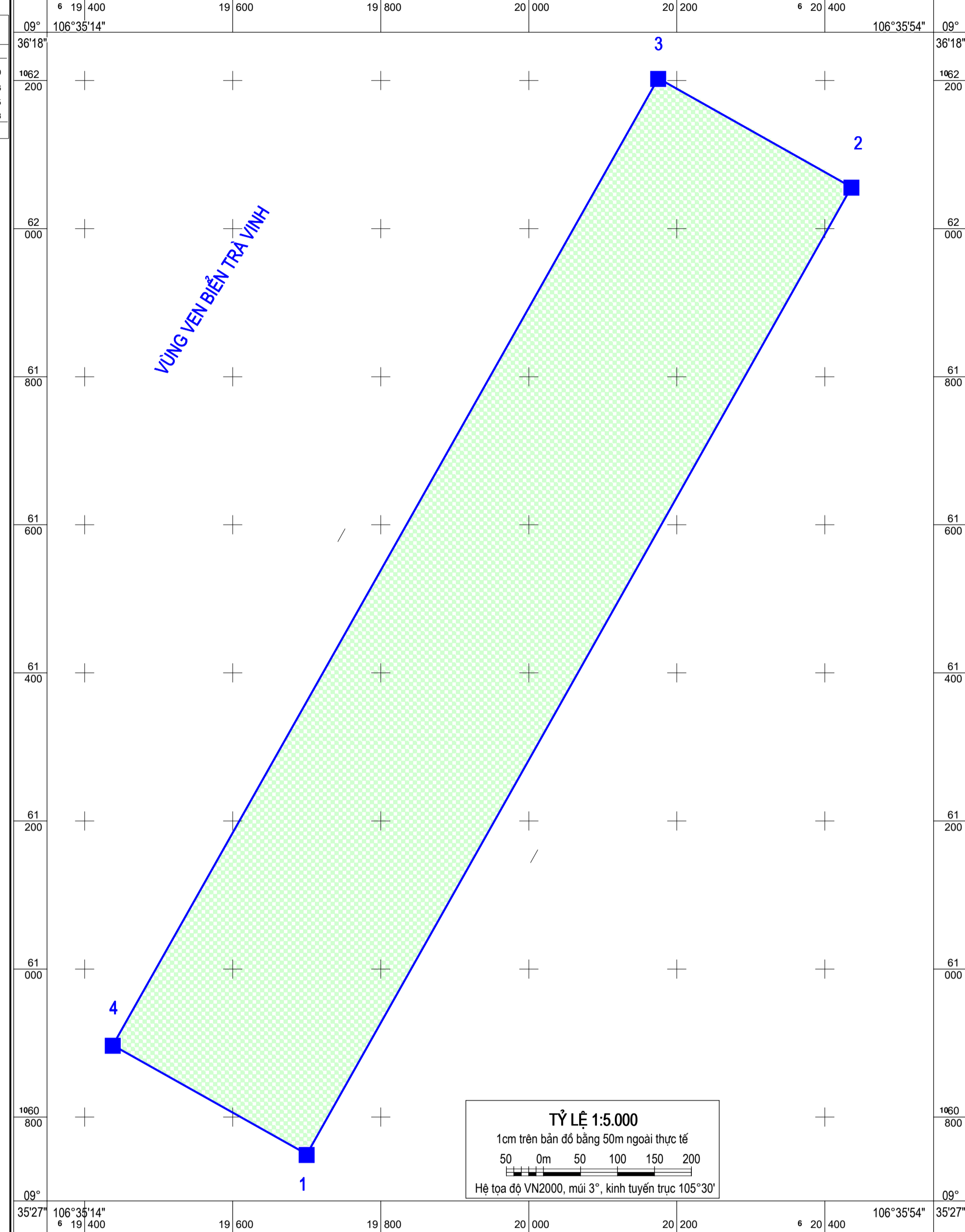
1 cm trên bản đồ bằng 50 ngoài thực địa

BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG MỎ
CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

Năm 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC			
Điểm Góc	Hệ tọa độ VN2000, KTT 105°30', Mũi chiếu 3"	X(m)	Y(m)
1		1060750	619700
2		1062056	620438
3		1062203	620175
4		1060897	619438

Diện tích: 45,0 ha



CHỈ DẪN
4 Ranh và mốc thăm dò

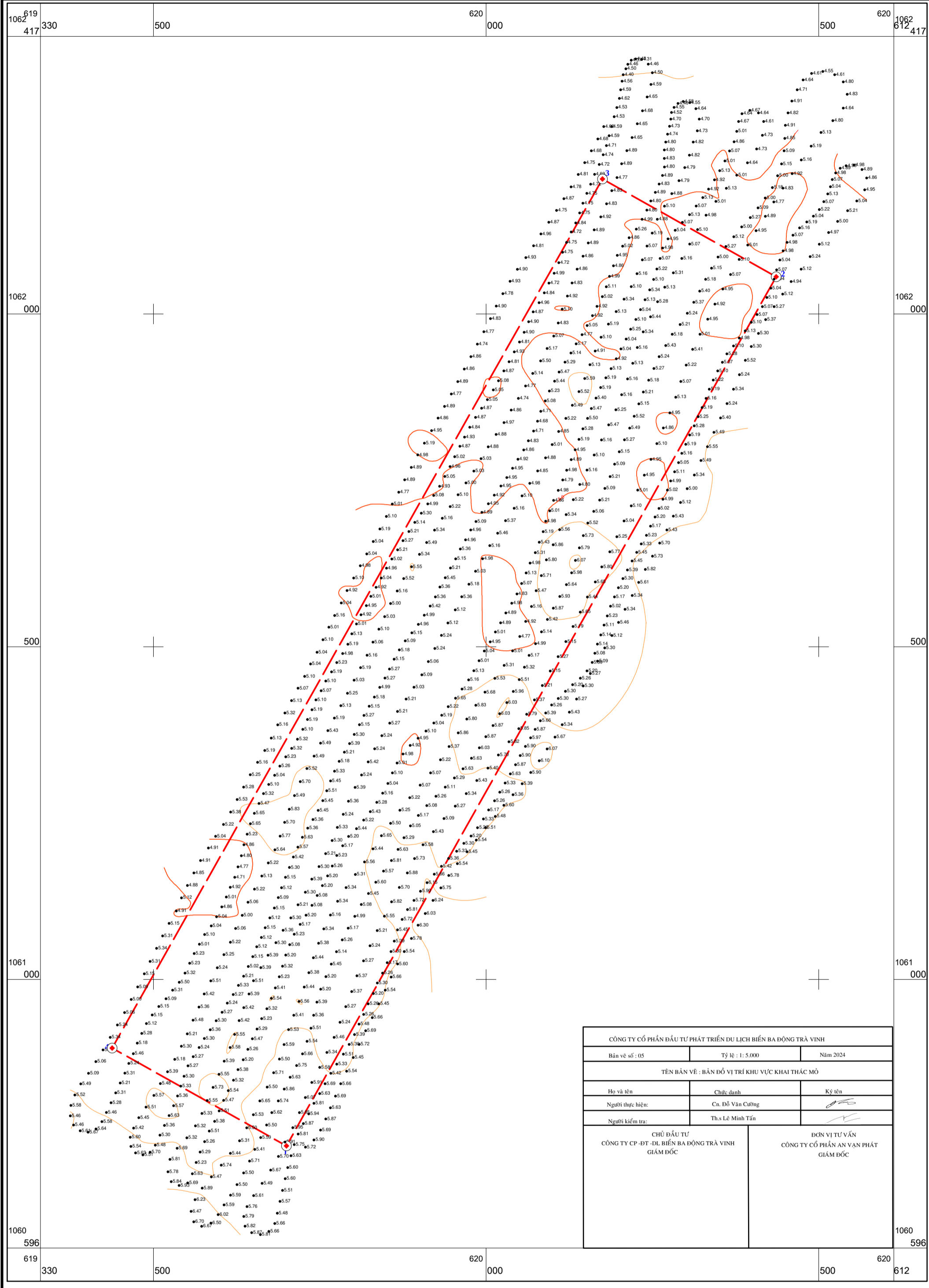
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG		
Bản vẽ: số 04	Tỷ lệ: 1:5.000	Năm 2024
BẢN ĐỒ TỔNG MẶT BẰNG MỎ		
Họ và Tên	Chức danh	Chữ ký
Người thực hiện:	Cn. Đỗ Văn Cường	
Người kiểm tra:	Th.s Lê Minh Tấn	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH GIÁM ĐỐC	ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN AN VẠN PHÁT GIÁM ĐỐC	

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU KHAI THÁC MỎ
MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG HOÀ, TX. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH.

Năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

BẢNG TOA ĐỘ GÓC RANH MỎ		
ĐIỂM GÓC	Hệ tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	1060750	619700
2	1062056	620436
3	1062203	620175
4	1060897	619438
DIỆN TÍCH: 45 ha		



CHỈ DẪN

- Ranh giới thăm dò và điểm góc
- Đường đẳng sâu và giá trị (m)
- Điểm cao độ đáy biển

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH		
Bản vẽ số: 05	Tỷ lệ: 1:5.000	Năm 2024
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ		
Họ và tên	Chức danh	Ký tên
Người thực hiện:	Cn. Đỗ Văn Cường	
Người kiểm tra:	Ths Lê Minh Tấn	
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CP-ĐT-DL BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH GIÁM ĐỐC		ĐƠN VỊ TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN AN VẠN PHÁT GIÁM ĐỐC

TỶ LỆ 1 : 5.000

Bản đồ được thành lập bằng phương pháp số.
 Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105,5 độ múi chiếu 3 độ.
 Hệ độ cao nền đầu hải phòng.

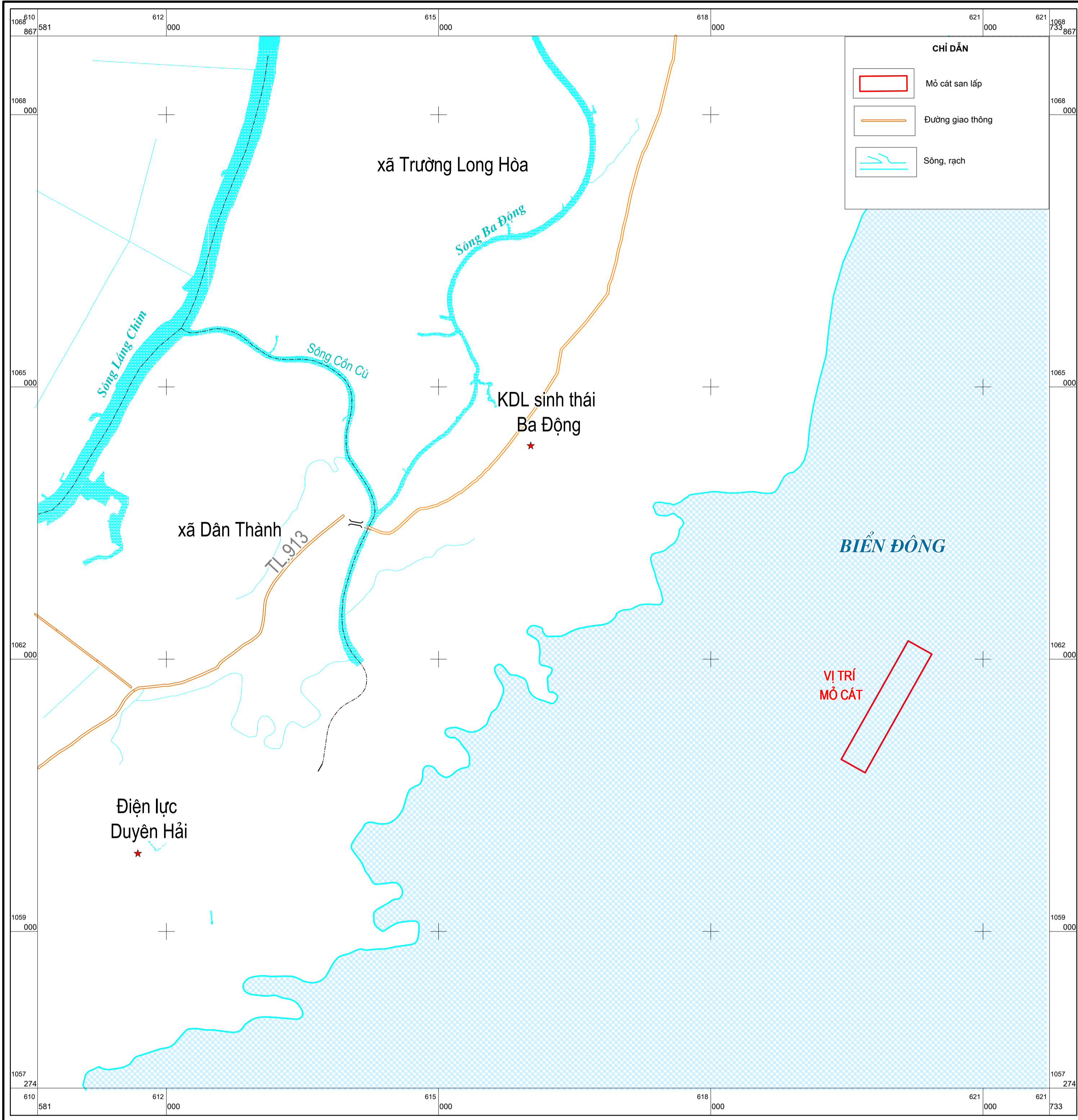
1 cm trên bản đồ bằng 50m ngoài thực địa

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

MỎ CÁT SAN LẤP VEN BIỂN THUỘC XÃ TRƯỜNG LONG HÒA, THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

CTY CPĐTPT DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH

Năm 2024



TỶ LỆ 1 : 30.000

CTY CPĐTPT DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH

Bản vẽ số: 06 Tỷ lệ 1 : 30.000 Năm 2024

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Họ và tên Chức danh Chữ ký

Người thực hiện: Cn. Đỗ Văn Cường

Người kiểm tra: Th.s Lê Minh Tấn

CHỦ ĐẦU TƯ
CTY CPĐTPT DU LỊCH
BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH
GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN AN VẠN PHÁT
GIÁM ĐỐC

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/1		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển - NB01: Mẫu tại khu vực mở khai thác. (X:1059738; Y:618010)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(s)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	16.5
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(s)	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	ND
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^{(s)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	5.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(s)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.123
Sắt (Fe) ^(s)	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	0.022 < LOQ(0.06)
Định lượng Coliform ^(s)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	2.3x10 ^{^1}
Florua (F ⁻) ^(s)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	1.77
pH ^{(s)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.65
Oxy hòa tan (DO) ^{(s)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.92

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@hovn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:..../ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (6) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật


LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO
Đại diện NHO


ĐINH HOÀNG THIỆN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển - NB02: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy (X:1059754; Y:618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(s)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	13.5
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(s)	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	ND
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^{(s)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	6.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(s)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.547
Sắt (Fe) ^(s)	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	0.056 < LOQ(0.06)
Định lượng Coliform ^(s)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	2.3x10 ¹
Florua (F ⁻) ^(s)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	1.12
pH ^{(s)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.60
Oxy hòa tan (DO) ^{(s)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.83

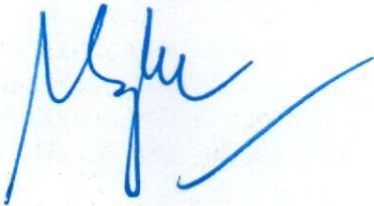
TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:..../ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ⁽³⁾ Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ⁽⁴⁾ ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/3		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển - NB03: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	43.0
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(S)	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	ND
Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD ₅) ^{(S)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	5.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.154
Sắt (Fe) ^(S)	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	0.047 < LOQ(0.06)
Định lượng Coliform ^(S)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	2.3x10 ¹
Fluorua (F ⁻) ^(S)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	0.589
pH ^{(S)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.81
Oxy hòa tan (DO) ^{(S)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.85

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:..../ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (*) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024



On behalf of NHO
Đại diện NHO
ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu chứa trong túi kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	2.77
Sắt (Fe) ^{(S)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	/	19 000
Cadimi (Cd) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	49.6
Thủy ngân (Hg) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.065
Chì (Pb) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	17.2
Đồng (Cu) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	15.8

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:.... / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (*) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu chứa trong túi kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C

Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024

Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/7		
Sample name/ Tên mẫu:		Trầm tích		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Trầm tích - TT02: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy (X:1059754; Y:618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	2.59
Sắt (Fe) ^{(S)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	/	19 726
Cadimi (Cd) ^(S)	TCVN 6649:2000 T CVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	48.0
Thủy ngân (Hg) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.063
Chì (Pb) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	14.6
Đồng (Cu) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	15.5

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

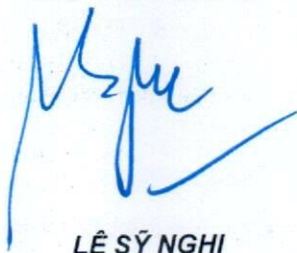
Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:..../ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (#) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật


LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu chứa trong túi kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/8		
Sample name/ Tên mẫu:		Trầm tích		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Trầm tích - TT03: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	2.52
Sắt (Fe) ^{(S)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	/	17 966
Cadimi (Cd) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	48.1
Thủy ngân (Hg) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.059
Chì (Pb) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	17.7
Đồng (Cu) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	16.2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:.... / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (#) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp nhựa có cổ định forml kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024




Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/10		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển (Thủy sinh)		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển (Thủy sinh) - NB03: Động vật đáy cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy (X:1059754; Y:0618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Định lượng phiêu sinh động vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10
Động vật đáy ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10
Định lượng phiêu sinh thực vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/10

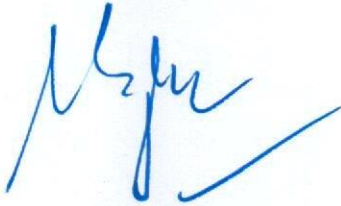
TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:..../ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (*) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative 
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

PHU LUC:

Sample code/ Mã mẫu:	YC13185003/10				
Sample name/ Tên mẫu:	Nước biển (Thủy sinh)				
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)	Nước biển (Thủy sinh) - NB03: Động vật đáy cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy (X:1059754; Y:0618032)				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Substance/ Chất	Testing Method/ Phương pháp thử	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả

1. Thực vật nổi

STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Tảo lam - Cyanobacteria			
	Bộ Oscillatoriales			
	Họ Oscillatoriaceae			
1	<i>Oscillatoria sp.</i>			460
2	<i>Oscillatoria aeruginosa</i> C.Agardh, 1817			
	Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta			
	Bộ Aulacoseirales			
	Họ Aulacoseiraceae			
3	<i>Aulacoseira granulata</i> (Ehrenberg) Simonsen, 1979			520
4	<i>Aulacoseira sp.</i>			230
	Bộ Chaetocerotanae			
	Họ Chaetocerotaceae			
5	<i>Chaetoceros abnormis</i> Proschkina-Lavrenko, 1953			480
6	<i>Chaetoceros affinis</i> Lauder, 1864			120
	Bộ Coscinodiscales			
	Họ Coscinodisceae			
7	<i>Coscinodiscus bipartitus</i> Rattray, 1890			500
8	<i>Coscinodiscus sp.</i>			
	Bộ Lithodesmiales			
	Họ Lithodesmiaceae			
9	<i>Ditylum brightwellii</i> (T.West) Grunow, 1885			400
	Bộ Naviculales			
	Họ Pleurosigmataceae			
10	<i>Gyrosigma acuminatum</i> (Kützing) Rabenhorst, 1853			530
	Bộ Bacillariales			
	Họ Bacillariaceae			
11	<i>Nitzschia sp.</i>			280
	Bộ Capsalidea			
	Họ Capsalidae			
12	<i>Pseudonitzschia sp.</i>			
	Ngành Charophyta			
	Bộ Zygnematales			
	Họ Zygnemataceae			
13	<i>Mougeotia sp.</i>			550
	Ngành Euglenozoa			
	Bộ Euglenida			
	Họ Euglenaceae			
14	<i>Euglena acus</i> (O.F.Müller) Ehrenberg, 1830			280
15	<i>Euglena spirogyra</i> Ehrenberg, 1832			220

SMEWW 10200:2017

tế bào/L



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Arthropoda	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ³	
	Bộ Calanoida			
	Họ Pseudodiaptomidae			
1	<i>Schmackeria speciosa</i> Dang, 1967			1 100
	Bộ Calanoida			
	Họ Centropagidae			
2	<i>Centropages calaninus</i> (Dana, 1849)			1 800
3	<i>Centropages</i> sp.			
	Họ Acartiidae			
3	<i>Acartia clausi</i> Giesbrecht, 1889			2 100
4	<i>Acartia erythraea</i> Giesbrecht, 1889			600
	<i>Acartia</i> sp.			
	Các nhóm khác			
5	Nauplius copepoda			580
6	Polychaeta larvae			690

3. Động vật đáy

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Annelida	SMEWW 10500:2017	Cá thể/m ²	
	Lớp Polychaeta			
	Họ Orbiniidae			
1	<i>Scoloplos marsupialis</i> Southern, 1921			12
	Bộ Protodrilida			
2	Protodrilida			25
	Ngành Arthropoda			
	Lớp Crustacea			
	Bộ Decapoda			
	Họ Sergestidae			
3	<i>Acetes</i> sp.	6		

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

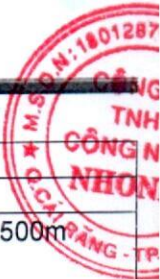
I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Client name (Khách hàng) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400012
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185003
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp nhựa có cổ định forml kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024

Sample code/ Mã mẫu:		YC13185003/11		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển (Thủy sinh)		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển (Thủy sinh) - NB04: Động vật đáy cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển (X:1058382; Y:0616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Định lượng phiêu sinh động vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11
Động vật đáy ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11
Định lượng phiêu sinh thực vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC13185003/11



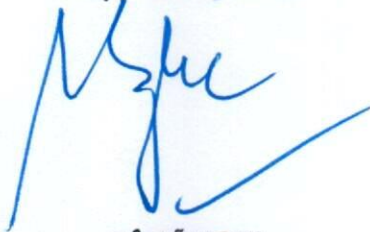
TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no:.... / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số.....
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (*) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 20/06/2024



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03

PHU LUC:

Sample code/ Mã mẫu:	YC13185003/11
Sample name/ Tên mẫu:	Nước biển (Thủy sinh)
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)	Nước biển (Thủy sinh) - NB04: Động vật đáy cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển (X:1058382; Y:0616127)

1. Thực vật nổi

STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Tảo lam - Cyanobacteria			
	Bộ Oscillatoriales			
	Họ Oscillatoriaceae			
1	<i>Oscillatoria</i> sp.			580
2	<i>Oscillatoria aeruginosa</i> C.Agardh, 1817			
	Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta			
	Bộ Aulacoseirales			
	Họ Aulacoseiraceae			
3	<i>Aulacoseira granulata</i> (Ehrenberg) Simonsen, 1979			450
4	<i>Aulacoseira</i> sp.			
	Bộ Chaetocerotanae			
	Họ Chaetocerotaceae			
5	<i>Chaetoceros abnormis</i> Proschkina-Lavrenko, 1953			
6	<i>Chaetoceros affinis</i> Lauder, 1864			210
	Bộ Coscinodiscales			
	Họ Coscinodiscaceae			
7	<i>Coscinodiscus bipartitus</i> Rattray, 1890			570
8	<i>Coscinodiscus</i> sp.			200
	Bộ Lithodesmiales			
	Họ Lithodesmiaceae			
9	<i>Ditylum brightwellii</i> (T.West) Grunow, 1885	SMEWW 10200:2017	tế bào/L	
	Bộ Naviculales			
	Họ Pleurosigmataceae			
10	<i>Gyrosigma acuminatum</i> (Kützinger) Rabenhorst, 1853			250
	Bộ Bacillariales			
	Họ Bacillariaceae			
11	<i>Nitzschia</i> sp.			
	Bộ Capsalidea			
	Họ Capsalidae			
12	<i>Pseudonitzschia</i> sp.			280
	Ngành Charophyta			
	Bộ Zygnematales			
	Họ Zygnemataceae			
13	<i>Mougeotia</i> sp.			460
	Ngành Euglenozoa			
	Bộ Euglenida			
	Họ Euglenaceae			
14	<i>Euglena acus</i> (O.F.Müller) Ehrenberg, 1830			180
15	<i>Euglena spirogyra</i> Ehrenberg, 1832			360

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.03



STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Arthropoda	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ³	
	Bộ Calanoida			
	Họ Pseudodiaptomidae			
1	<i>Schmackeria speciosa</i> Dang, 1967			2 000
	Bộ Calanoida			
	Họ Centropagidae			
2	<i>Centropages calaninus</i> (Dana, 1849)			1 800
3	<i>Centropages</i> sp.			
	Họ Acartiidae			
3	<i>Acartia clausi</i> Giesbrecht, 1889			980
4	<i>Acartia erythraea</i> Giesbrecht, 1889			590
	<i>Acartia</i> sp.			
	Các nhóm khác			
5	Nauplius copepoda			390
6	Polychaeta larvae	420		

3. Động vật đáy

STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Annelida	SMEWW 10500:2017	Cá thể/m ²	
	Lớp Polychaeta			
	Họ Orbiniidae			
1	<i>Scoloplos marsupialis</i> Southern, 1921			10
	Bộ Protodrilida			
2	Protodrilida			5
	Ngành Arthropoda			
	Lớp Crustacea			
	Bộ Decapoda			
	Họ Sergestidae			
3	<i>Acetes</i> sp.	5		

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185007
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển - NB01: Tại khu vực mở khai thác
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng cách nhiệt ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 08/06/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN



TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

Code/ Mã mẫu: YC13185007/1				
Sample name/ Tên mẫu: Nước biển				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước biển - NB01: Tại khu vực mở khai thác				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	mg/L	2.00	4.07 < LOQ(6)

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIÊN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185007
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển - NB02: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng cách nhiệt ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 08/06/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02



Code/ Mã mẫu:		YC13185007/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Nước biển - NB02: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	mg/L	2.00	3.09 < LOQ(6)

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC13185007
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển - NB03: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng cách nhiệt ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 04/06/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 05/06/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 05/06/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 08/06/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02



Code/ Mã mẫu: YC13185007/3				
Sample name/ Tên mẫu: Nước biển				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước biển - NB03: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	mg/L	2.00	3.74 < LOQ(6)

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển: Tại khu vực mỏ khai thác.
NB01
(X:1059738; Y:618010)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 28/03/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật


LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02



Code/ Mã mẫu: YC131523036/1

Sample name/ Tên mẫu: Nước biển

Information provided by applicant/
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Nước biển: Tại khu vực mỏ khai thác.
NB01
(X:1059738; Y:618010)

Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2023	mg/L	2.00	5.21 < LOQ(6)

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy.
NB02
(X:1059754; Y:618032)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 28/03/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Page/ Trang: 1 / 2

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02



Code/ Mã mẫu: YC131523036/2				
Sample name/ Tên mẫu: Nước biển				
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp) Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy. NB02 (X:1059754; Y:618032)				
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2023	mg/L	2.00	5.69 < LOQ(6)

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523036
Information provided by applicant (Thông tin được khách hàng cung cấp) : Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển.
NB03
(X:1058382; Y:616127)
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong can nhựa kín còn nguyên vẹn; bảo quản trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Seal No (Số niêm) : Có niêm
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024
Report date (Ngày trả kết quả) : 28/03/2024

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- Ha Noi office: Km 11, National highway 21, Thach That district, Ha Noi city.
- HCM office: Van Dat tower, street 1, Tan Binh Industrial Park, Tan Phu district, HCM city.

- Can Tho office: K2 - 17, Vo Nguyen Giap street, Cai Rang district, Can Tho city.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM03 LBH.02



Code/ Mã mẫu:		YC131523036/3		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)		Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển. NB03 (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2023	mg/L	2.00	6.35

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C

Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024

Sample tested on (Ngày phân tích) : 23/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/1		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển: Tại khu vực mỏ khai thác. NB01 (X:1059738; Y:618010)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	12.5
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(S)	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	0.026 < LOQ(0.06)
Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^{(S)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	5.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.326
Sắt (Fe) ^(S)	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliform ^(S)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	<2
Florua (F ⁻) ^(S)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	ND
pH ^{(S)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.54
Oxy hòa tan (DO) ^{(S)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.78

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

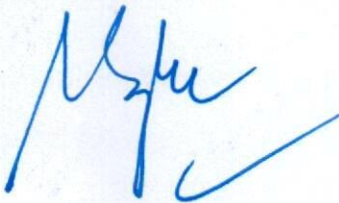
Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 019/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 019*
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- (#) Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ *sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐỘNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 23/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/2		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy. NB02 (X:1059754; Y:618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽⁵⁾	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	13.5
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ⁽⁵⁾	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	0.024 < LOQ(0.06)
Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^{(5)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	5.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽⁵⁾	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.491
Sắt (Fe) ⁽⁵⁾	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	0.033 < LOQ(0.06)
Định lượng Coliform ⁽⁵⁾	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	<2
Florua (F ⁻) ⁽⁵⁾	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	ND
pH ^{(5)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.85
Oxy hòa tan (DO) ^{(5)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.86

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 019/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 019*
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- (#) Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ *sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu gồm 2 loại kiểm vi sinh mẫu được chứa trong chai thủy tinh; Mẫu kiểm hóa được chứa trong can nhựa có chất bảo quản kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 23/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/3		
Sample name/ Tên mẫu:		Nước biển		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Nước biển: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển. NB03 (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(S)	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4.00	8.5 < LOQ(12)
Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(S)	SMEWW 4500-P. E:2017	mg/L	0.020	0.029 < LOQ(0.06)
Hàm lượng BOD ₅ (ở 20°C) ^{(S)(*)}	SMEWW 5210B:2023	mg/L	/	6.00
Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(S)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0.030	0.315
Sắt (Fe) ^(S)	SMEWW 3500-Fe.B:2017	mg/L	0.020	ND
Định lượng Coliform ^(S)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	/	<2
Fluorua (F ⁻) ^(S)	TCVN 6494-1:2011	mg/L	0.030	ND
pH ^{(S)(#)}	TCVN 6492:2011	/	/	7.48
Oxy hòa tan (DO) ^{(S)(#)}	TCVN 7325:2016	mg/L	/	5.96

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT'04-BM05 LBH.02

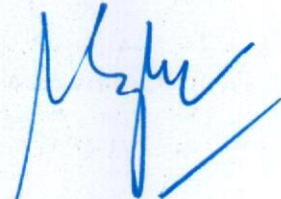
Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 019/ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 019
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- ⁽³⁾ Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp nhựa có cổ định formol kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024



Code/ Mã mẫu:		YC131523039/6		
Sample name/ Tên mẫu:		Thủy sinh		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Thủy sinh: Cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy. TS01 (X:1059754; Y:618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Định lượng phôi sinh động vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6
Định lượng phôi sinh thực vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6
Động vật đáy ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/6

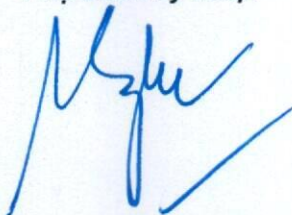
TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 321/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 321*
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- (6) Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ *sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

PHU LỤC:

Code/ Mã mẫu:	YC131523039/6
Name/ Tên mẫu:	Thủy sinh
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)	Thủy sinh: Cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy. TS01 (X:1059754; Y:618032)

Thực vật nổi

STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Tảo lam - Cyanobacteria			
	Bộ Oscillatoriales			
	Họ Oscillatoriaceae			
1	<i>Oscillatoria sp.</i>			320
2	<i>Oscillatoria aeruginosa</i> C.Agardh, 1817			
	Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta			
	Bộ Aulacoseirales			
	Họ Aulacoseiraceae			
3	<i>Aulacoseira granulata</i> (Ehrenberg) Simonsen, 1979			560
4	<i>Aulacoseira sp.</i>			210
	Bộ Chaetocerotanae			
	Họ Chaetocerotaceae			
5	<i>Chaetoceros abnormis</i> Proschkina-Lavrenko, 1953			480
6	<i>Chaetoceros affinis</i> Lauder, 1864			120
	Bộ Coscinodiscales			
	Họ Coscinodiscaceae			
7	<i>Coscinodiscus bipartitus</i> Rattray, 1890			440
8	<i>Coscinodiscus sp.</i>			
	Bộ Lithodesmiales			
	Họ Lithodesmiaceae			
9	<i>Ditylum brightwellii</i> (T.West) Grunow, 1885	SMEWW 10200:2017	tế bào/L	440
	Bộ Naviculales			
	Họ Pleurosigmaaceae			
10	<i>Gyrosigma acuminatum</i> (Kützinger) Rabenhorst, 1853			380
	Bộ Bacillariales			
	Họ Bacillariaceae			
11	<i>Nitzschia sp.</i>			200
	Bộ Capsalidea			
	Họ Capsalidae			
12	<i>Pseudonitzschia sp.</i>			
	Ngành Charophyta			
	Bộ Zygnematales			
	Họ Zygnemataceae			
13	<i>Mougeotia sp.</i>			530
	Ngành Euglenozoa			
	Bộ Euglenida			
	Họ Euglenaceae			
14	<i>Euglena acus</i> (O.F.Müller) Ehrenberg, 1830			370
15	<i>Euglena spirogyra</i> Ehrenberg, 1832			190
	Tổng số loài			4 240

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02



STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Arthropoda			
	Bộ Calanoida			
	Họ Pseudodiaptomidae			
1	<i>Schmackeria speciosa</i> Dang, 1967			1 300
	Bộ Calanoida			
	Họ Centropagidae			
2	<i>Centropages calaninus</i> (Dana, 1849)	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ³	1 450
3	<i>Centropages sp.</i>			
	Họ Acartiidae			
3	<i>Acartia clausi</i> Giesbrecht, 1889			1 900
4	<i>Acartia erythraea</i> Giesbrecht, 1889			950
	<i>Acartia sp.</i>			
	Các nhóm khác			
5	Nauplius copepoda			430
6	Polychaeta larvae			580
	Tổng số loài			6 610

Động vật đáy

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Annelida			
	Lớp Polychaeta			
	Họ Orbiniidae			
1	<i>Scoloplos marsupialis</i> Southern, 1921			8
	Bộ Protodrilida			
2	Protodrilida	SMEWW 10500:2017	Cá thể/m ²	17
	Ngành Arthropoda			
	Lớp Crustacea			
	Bộ Decapoda			
	Họ Sergestidae			
3	<i>Acetes sp.</i>			2
	Tổng số loài			27

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp nhựa có cổ định formol kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024



Code/ Mã mẫu:		YC131523039/7		
Sample name/ Tên mẫu:		Thủy sinh		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Thủy sinh: Cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển. TS02 (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Định lượng phiêu sinh động vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7
Định lượng phiêu sinh thực vật ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7
Động vật đáy ^{(s)(*)}	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7	/	/	Xem PHỤ LỤC: YC131523039/7

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

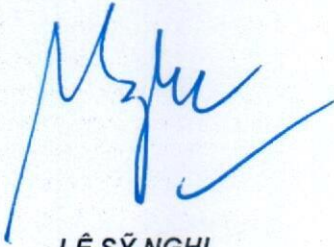
Note / Ghi chú:

- (1) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 321/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 321*
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- (*) Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ *Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

PHU LỤC:

Code/ Mã mẫu:	YC131523039/7
Name/ Tên mẫu:	Thủy sinh
Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)	Thủy sinh: Cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển. TS02 (X:1058382; Y:616127)

Thực vật nổi

STT	Chi tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Tảo lam - Cyanobacteria			
	Bộ Oscillatoriales			
	Họ Oscillatoriaceae			
1	<i>Oscillatoria sp.</i>			590
2	<i>Oscillatoria aeruginosa</i> C.Agardh, 1817			
	Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta			
	Bộ Aulacoseirales			
	Họ Aulacoseiraceae			
3	<i>Aulacoseira granulata</i> (Ehrenberg) Simonsen, 1979			290
4	<i>Aulacoseira sp.</i>			
	Bộ Chaetocerotanae			
	Họ Chaetocerotaceae			
5	<i>Chaetoceros abnormis</i> Proschkina-Lavrenko, 1953			
6	<i>Chaetoceros affinis</i> Lauder, 1864			180
	Bộ Coscinodiscales			
	Họ Coscinodiscaceae			
7	<i>Coscinodiscus bipartitus</i> Rattray, 1890			570
8	<i>Coscinodiscus sp.</i>			210
	Bộ Lithodesmiales			
	Họ Lithodesmiaceae			
9	<i>Ditylum brightwellii</i> (T.West) Grunow, 1885	SMEWW 10200:2017	tế bào/L	
	Bộ Naviculales			
	Họ Pleurosigmales			
10	<i>Gyrosigma acuminatum</i> (Kützinger) Rabenhorst, 1853			360
	Bộ Bacillariales			
	Họ Bacillariaceae			
11	<i>Nitzschia sp.</i>			
	Bộ Capsalidea			
	Họ Capsalidae			
12	<i>Pseudonitzschia sp.</i>			230
	Ngành Charophyta			
	Bộ Zygnematales			
	Họ Zygnemataceae			
13	<i>Mougeotia sp.</i>			360
	Ngành Euglenozoa			
	Bộ Euglenida			
	Họ Euglenaceae			
14	<i>Euglena acus</i> (O.F.Müller) Ehrenberg, 1830			230
15	<i>Euglena spirogyra</i> Ehrenberg, 1832			360
	Tổng số loài			3 380

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02



STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Arthropoda			
	Bộ Calanoida			
	Họ Pseudodiaptomidae			
1	<i>Schmackeria speciosa</i> Dang, 1967			1 300
	Bộ Calanoida			
	Họ Centropagidae			
2	<i>Centropages calaninus</i> (Dana, 1849)			1 280
3	<i>Centropages sp.</i>	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ³	
	Họ Acartiidae			
3	<i>Acartia clausi</i> Giesbrecht, 1889			1 310
4	<i>Acartia erythraea</i> Giesbrecht, 1889			560
	<i>Acartia sp.</i>			
	Các nhóm khác			
5	Nauplius copepoda			290
6	Polychaeta larvae			330
	Tổng số loài			5 070

Động vật đáy

STT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Annelida			
	Lớp Polychaeta			
	Họ Orbiniidae			
1	<i>Scoloplos marsupialis</i> Southern, 1921			7
	Bộ Protodrilida			
2	Protodrilida	SMEWW 10500:2017	Cá thể/m ²	2
	Ngành Arthropoda			
	Lớp Crustacea			
	Bộ Decapoda			
	Họ Sergestidae			
3	<i>Acetes sp.</i>			6
	Tổng số loài			15

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C

Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024

Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/8		
Sample name/ Tên mẫu:		Trầm tích		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Trầm tích: Tại khu vực mỏ khai thác. TT01 (X:1059738; Y:618010)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	7.73
Sắt (Fe) ^{(S)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	4.50	44 415
Cadimi (Cd) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	38.9
Thủy ngân (Hg) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.067
Chì (Pb) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	17.0
Đồng (Cu) ^(S)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	37.8

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

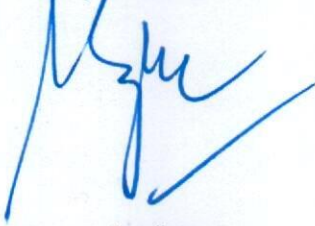
Note / Ghi chú:

- (¹) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 304/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 304*
- (⁵) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- (⁶) Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ *sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative

Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHI

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH
Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005
JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039
Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C
Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu
Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024
Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/9		
Sample name/ Tên mẫu:		Trầm tích		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Trầm tích: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng dòng chảy. TT02 (X:1059754; Y:618032)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	7.82
Sắt (Fe) ^{(5)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	4.50	21 899
Cadimi (Cd) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	40.5
Thủy ngân (Hg) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.069
Chì (Pb) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	16.5
Đồng (Cu) ⁽⁵⁾	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	37.5

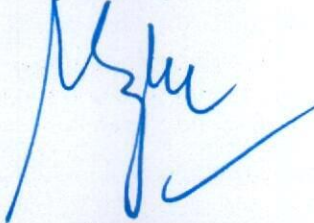
TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

Note / Ghi chú:

- (*) Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 304/ Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 304
- (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường
- (6) Results are provided from on site measurement records/ Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ Không phát hiện/ đơn vị mẫu
LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

On behalf of NHO

Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIỆN

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN BA ĐÔNG TRÀ VINH

Address (Địa chỉ) : Đường Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:

Environmental Job no (Mã phiếu quan trắc MT) : MT202400005

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : YC131523039

Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi zip kín còn nguyên vẹn; bảo quản lạnh trong thùng xốp ở nhiệt độ 8.0 độ C

Source of sample (Nguồn mẫu) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sampling on (Ngày lấy mẫu) : 22/03/2024

Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 23/03/2024

Sample tested on (Ngày phân tích) : 25/03/2024

Code/ Mã mẫu:		YC131523039/10		
Sample name/ Tên mẫu:		Trầm tích		
Sampling Information/ (Thông tin lấy mẫu)		Trầm tích: Tại khu vực cách vị trí khai thác 500m theo hướng về phía bờ biển. TT03 (X:1058382; Y:616127)		
Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích	Test Method/ Phương pháp	Unit/ Đơn vị	LOD	Result/ Kết quả
Asen (As) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 8467:2010	mg/kg	0.200	6.66
Sắt (Fe) ^{(s)(*)}	US.EPA Method 3051A + US.EPA Method 7000B	mg/kg	4.50	35 012
Cadimi (Cd) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	ND
Kẽm (Zn) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	37.0
Thủy ngân (Hg) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 8882:2011	mg/kg	0.010	0.068
Chì (Pb) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	3.00	18.5
Đồng (Cu) ^(s)	TCVN 6649:2000 TCVN 6496:2009	mg/kg	1.00	42.5

TESTING REPORT/ BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

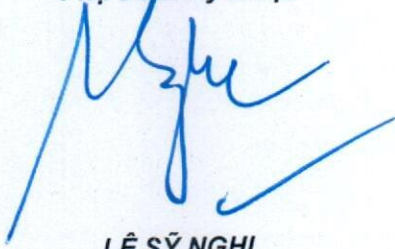
Form code/ Mã biểu mẫu: MKL-TT04-BM05 LBH.02

Note / Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Testing parameter is sent to subcontractor Vimcert no: 304/ *Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ Vimcert số 304*
- ⁽²⁾ Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Environment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
- ⁽³⁾ Results are provided from on site measurement records/ *Kết quả được cung cấp từ Biên bản đo hiện trường*
- ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<2;<3;<10: Not detected/ sample unit/ *Không phát hiện/ đơn vị mẫu*
LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả.*
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Report date (Ngày xuất phiếu kết quả): 08/04/2024

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật



LÊ SỸ NGHỊ

On behalf of NHO
Đại diện NHO



ĐINH HOÀNG THIÊN